

Số: 09 /QĐ-BĐD.HĐQT

Đồng Nai, ngày 16 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án sắp xếp Điểm giao dịch của Chi nhánh Ngân hàng
Chính sách xã hội thành phố Đồng Nai**

**BAN ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

Căn cứ Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-HĐQT ngày 27/8/2026 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành Quy chế hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp;

Căn cứ Công văn số 4079/NHCS-TDNN ngày 07/9/2026 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc sắp xếp Điểm giao dịch;

Căn cứ Công văn số 09/BĐD.HĐQT ngày 25/9/2026 của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố về việc triển khai sắp xếp Điểm giao dịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đồng Nai tại Tờ trình số 690/TTr-NHCSĐN ngày 13/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án sắp xếp Điểm giao dịch của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đồng Nai kèm theo Quyết định này (Phương án số 689/PA-NHCSĐN ngày 13/10/2026 của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố).

Điều 2. Giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố chủ trì tổ chức triển khai Phương án nêu trên; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các Phòng giao dịch trực thuộc thực hiện đúng nội dung được phê duyệt; chịu trách nhiệm về tính pháp lý, chính xác, đầy đủ của số liệu, danh sách và phạm vi phục vụ của từng Điểm giao dịch.

Các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc có trách nhiệm tổ chức thực hiện Phương án nêu trên trên địa bàn được giao quản lý; hoàn thành việc sắp xếp Tổ Tiết kiệm và Vay vốn; phân công khách hàng, địa bàn phục vụ, bàn giao hồ sơ, dư nợ và các điều kiện tổ chức phiên giao dịch; kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Đề nghị UBND các xã, phường, Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay trong quá trình triển khai; thông tin đầy đủ

đến Tổ Tiết kiệm và Vay vốn, khách hàng và người dân về những thay đổi liên quan đến Điểm giao dịch.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố thực hiện báo cáo, khai báo thông tin và các thủ tục có liên quan với Hội sở chính Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định; theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động sau sắp xếp và kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với các vấn đề vượt thẩm quyền xử lý.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Giám đốc các Phòng giao dịch trực thuộc, Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ngân hàng Chính sách xã hội Việt nam;
- Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam (báo cáo);
- Chủ tịch UBND thành phố (báo cáo);
- PCT. UBND thành phố Nguyễn Thị Hoàng;
- Ban đại diện HĐQT NHCSXH thành phố;
- Lưu: VT, NHCSXH thành phố.

**TM. BAN ĐẠI DIỆN
TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ
Nguyễn Thị Hoàng**

Số: 689/PA-NHCSĐN

Đồng Nai, ngày 13 tháng 10 năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Sắp xếp Điểm giao dịch của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đồng Nai

I. CĂN CỨ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

Căn cứ Nghị định số 06/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-HĐQT ngày 27/8/2026 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành Quy chế hoạt động của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp.

Thực hiện Công văn số 4079/NHCS-TDNN ngày 07/9/2026 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc sắp xếp Điểm giao dịch; trên cơ sở rà soát mạng lưới Điểm giao dịch hiện có, tình hình thực tế tại các xã, phường và yêu cầu tổ chức hoạt động tín dụng chính sách sau sắp xếp đơn vị hành chính, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Đồng Nai xây dựng Phương án sắp xếp Điểm giao dịch trên địa bàn toàn Chi nhánh.

Sau sắp xếp đơn vị hành chính, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố thực hiện tín dụng chính sách trên địa bàn 95 xã, phường thông qua Hội sở Chi nhánh và 21 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc, với 270 Điểm giao dịch được kế thừa từ mạng lưới trước sắp xếp.

Qua rà soát cho thấy, tại một số xã, phường còn nhiều Điểm giao dịch có quy mô hoạt động nhỏ; trong khi một số Điểm giao dịch sau khi sắp xếp, tập trung địa bàn có số lượng Tổ Tiết kiệm và Vay vốn, khách hàng và dư nợ lớn. Bên cạnh đó, điều kiện địa hình, khoảng cách, thời gian di chuyển và cơ sở vật chất tại các địa bàn không đồng đều.

Việc sắp xếp Điểm giao dịch nhằm tiếp tục thực hiện nguyên tắc “gần dân, sát dân”, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tiếp cận và giao dịch với Ngân hàng Chính sách xã hội tại địa bàn cơ sở; đồng thời sử dụng hợp lý nhân lực, phương tiện, cơ sở vật chất, bảo đảm an ninh, an toàn và nâng cao hiệu quả tổ chức các phiên giao dịch.

Phương án được xây dựng trên cơ sở kết quả rà soát đến ngày 31/8/2026, đối chiếu với các tiêu chí tại Công văn số 4079/NHCS-TDNN, trong đó tập trung vào số lượng Tổ Tiết kiệm và Vay vốn, số khách hàng, dư nợ, thời gian thực hiện phiên giao dịch, khoảng cách và thời gian di chuyển từ địa bàn dân cư đến Điểm giao dịch, điều kiện cơ sở vật chất, an ninh, an toàn và sự phù hợp với địa giới hành chính cấp xã.

Việc giảm số lượng Điểm giao dịch không thực hiện theo tỷ lệ cơ học mà căn cứ tình hình thực tế từng địa bàn; bảo đảm sau sắp xếp không làm gián đoạn hoạt động tín dụng chính sách, không gây khó khăn cho người dân và khách hàng trong tiếp cận dịch vụ Ngân hàng Chính sách xã hội.

II. HIỆN TRẠNG MẠNG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH

Đến ngày 31/8/2026, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố có 270 Điểm giao dịch tại 95 xã, phường.

- Các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- + Tổng số Tổ Tiết kiệm và Vay vốn: **4.550 tổ**;
- + Tổng số khách hàng còn dư nợ: **211.771 khách hàng**;
- + Dư nợ thực hiện tại các Điểm giao dịch: **13.341.091 triệu đồng**;
- + Số Điểm giao dịch đang hoạt động: **270 điểm**;
- + Số Điểm giao dịch đặt tại trụ sở UBND cấp xã: **77 điểm**.

Mạng lưới 270 Điểm giao dịch được hình thành từ mạng lưới trước khi sắp xếp đơn vị hành chính. Sau khi thực hiện sắp xếp địa giới, tại một số xã, phường có nhiều Điểm giao dịch nằm trong phạm vi địa bàn tương đối gần nhau, có khả năng tổ chức giao dịch tập trung; đồng thời một số Điểm giao dịch có quy mô lớn, địa bàn rộng, khoảng cách xa hoặc số lượng Tổ Tiết kiệm và Vay vốn, khách hàng lớn cần tiếp tục duy trì để bảo đảm phục vụ người dân.

Do đó, việc sắp xếp phải được thực hiện trên cơ sở rà soát cụ thể từng Điểm giao dịch và từng địa bàn phục vụ, không áp dụng máy móc một phương án chung cho toàn Chi nhánh.

III. NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHÍ SẮP XẾP ĐIỂM GIAO DỊCH

1. Nguyên tắc sắp xếp

Tại mỗi xã, phường, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay bố trí một hoặc một số Điểm giao dịch phù hợp với quy mô hoạt động, địa bàn phục vụ và điều kiện thực tế; trong đó bảo đảm có ít nhất 01 Điểm giao dịch tại trụ sở UBND cấp xã.

Đối với Điểm giao dịch đặt tại địa điểm khác ngoài trụ sở UBND cấp xã, địa điểm giao dịch do UBND cấp xã phối hợp bố trí, bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, an ninh, an toàn và đáp ứng quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Mỗi thôn, ấp, khu phố hoặc đơn vị tương đương chỉ được bố trí giao dịch tại 01 Điểm giao dịch; phạm vi phục vụ giữa các Điểm giao dịch phải được phân định rõ, không chồng chéo, không bỏ sót địa bàn.

Việc sắp xếp phải bảo đảm nguyên tắc “gần dân, sát dân”, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, khách hàng và Tổ Tiết kiệm và Vay vốn; đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng nhân lực, phương tiện, cơ sở vật chất và tổ chức phiên giao dịch.

Không xác định số lượng Điểm giao dịch theo một tỷ lệ giảm chung mà căn cứ kết quả rà soát cụ thể từng địa bàn.

2. Tiêu chí sắp xếp

Mỗi Điểm giao dịch bố trí phục vụ **không quá 30 Tổ Tiết kiệm và Vay vốn**.

Một phiên giao dịch trong điều kiện bình thường được tổ chức **không quá 04 giờ làm việc**.

Khoảng cách hoặc thời gian di chuyển bằng xe máy hoặc phương tiện đường thủy của người dân trong điều kiện giao thông bình thường, tính từ trung tâm thôn, ấp, khu phố xa nhất đến Điểm giao dịch, thực hiện theo các tiêu chí:

- Đối với phường: khoảng cách không quá 10 km hoặc thời gian di chuyển không quá 20 phút;

- Đối với xã không thuộc vùng khó khăn: khoảng cách không quá 20 km hoặc thời gian di chuyển không quá 30 phút;

- Đối với xã thuộc vùng khó khăn: khoảng cách không quá 30 km hoặc thời gian di chuyển không quá 60 phút.

Ngoài các tiêu chí trên, việc lựa chọn Điểm giao dịch còn xem xét quy mô khách hàng, dư nợ, điều kiện địa hình, giao thông, khả năng tổ chức phiên giao dịch, cơ sở vật chất và điều kiện bảo đảm an ninh, an toàn.

3. Xử lý trường hợp có trên 30 Tổ Tiết kiệm và Vay vốn

Đối với các Điểm giao dịch có trên 30 Tổ Tiết kiệm và Vay vốn tại thời điểm rà soát ngày 31/8/2026, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay phải chủ động rà soát, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và Vay vốn để xây dựng phương án củng cố, sắp xếp, phân bổ lại Tổ Tiết kiệm và Vay vốn.

Việc củng cố, sắp xếp lại Tổ Tiết kiệm và Vay vốn phải hoàn thành trong **tháng 10/2026**, bảo đảm đến thời điểm tổ chức thực hiện phương án sắp xếp Điểm giao dịch từ **tháng 11/2026**, số lượng Tổ Tiết kiệm và Vay vốn tại mỗi Điểm giao dịch cơ bản đáp ứng tiêu chí không quá 30 tổ.

Đối với trường hợp sau khi đã thực hiện đầy đủ việc củng cố, sắp xếp lại Tổ Tiết kiệm và Vay vốn mà vẫn phải bố trí trên 30 Tổ Tiết kiệm và Vay vốn tại một Điểm giao dịch do điều kiện đặc thù về địa bàn, khoảng cách, giao thông hoặc yêu cầu phục vụ người dân, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay lập phương án cụ thể, báo cáo Chi nhánh tổng hợp và báo cáo Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định trước khi trình Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố phê duyệt.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP

1. Phương án tổng thể

Trên cơ sở rà soát 270 Điểm giao dịch hiện có, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố dự kiến sắp xếp như sau:

- Điểm giao dịch giữ nguyên: **111 điểm**;
- Điểm giao dịch điều chỉnh phạm vi phục vụ và/hoặc địa điểm giao dịch: **77 điểm**;
- Điểm giao dịch đóng/chấm dứt hoạt động: **82 điểm**.

Tổng số Điểm giao dịch sau sắp xếp là **188 điểm**, giảm **82 điểm**, tương ứng giảm **30,37%** so với hiện tại.

Việc giảm Điểm giao dịch được thực hiện trên cơ sở sáp nhập các Điểm giao dịch có địa bàn liên kề, khoảng cách phù hợp, quy mô giao dịch nhỏ hoặc có khả năng tổ chức giao dịch tập trung; đồng thời duy trì các Điểm giao dịch tại địa bàn có số lượng Tổ Tiết kiệm và Vay vốn, khách hàng lớn, địa bàn rộng, khoảng cách xa hoặc điều kiện giao thông khó khăn.

Đối với mỗi Điểm giao dịch đóng hoặc điều chỉnh phạm vi hoạt động, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay phải xác định cụ thể Điểm giao dịch tiếp nhận; đồng thời phân công đầy đủ thôn, ấp, khu phố, Tổ Tiết kiệm và Vay vốn và khách hàng về Điểm giao dịch tiếp nhận, bảo đảm không trùng lặp, không bỏ sót và không làm gián đoạn hoạt động tín dụng chính sách.

2. Bố trí địa điểm giao dịch

Sau sắp xếp, dự kiến có **95/95 xã, phường có ít nhất 01 Điểm giao dịch tại trụ sở UBND cấp xã**.

Các Điểm giao dịch còn lại được bố trí tại địa điểm phù hợp do UBND cấp xã phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xác định, bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất, an ninh, an toàn và thuận tiện cho người dân.

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay có trách nhiệm hoàn thiện văn bản chấp thuận của UBND cấp xã về địa điểm tổ chức giao dịch; đồng thời rà soát các điều kiện về cơ sở vật chất, đường truyền, trang thiết bị, an ninh, an toàn trước khi đưa Điểm giao dịch vào hoạt động.

3. Phạm vi phục vụ và tổ chức phiên giao dịch

Phạm vi thôn, ấp, khu phố phục vụ của từng Điểm giao dịch; ngày, giờ giao dịch; địa điểm giao dịch; số Tổ Tiết kiệm và Vay vốn; số khách hàng; dư nợ; khoảng cách và thời gian di chuyển được xác định cụ thể tại **Biểu tổng hợp sắp xếp Điểm giao dịch kèm theo Phương án**.

Việc bố trí lịch giao dịch phải bảo đảm:

- Một phiên giao dịch trong điều kiện bình thường không quá 04 giờ;
- Phù hợp với quy mô khách hàng và Tổ Tiết kiệm và Vay vốn;
- Bảo đảm nhân lực, phương tiện, cơ sở vật chất;
- Bảo đảm an ninh, an toàn tiền mặt, hồ sơ và tài sản;
- Không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng và người dân.

4. Xử lý các Điểm giao dịch thuộc trường hợp không đáp ứng tiêu chí

Theo số liệu rà soát đến ngày 31/8/2026, Điểm giao dịch Thanh Sơn – PGD Ngân hàng Chính sách xã hội Định Quán thuộc trường hợp có trên 30 Tổ Tiết kiệm và Vay vốn; Điểm giao dịch Mã Đà – PGD Ngân hàng Chính sách xã hội Vĩnh Cửu thuộc trường hợp có điều kiện đặc thù về khoảng cách theo Công văn số 4079/NHCS-TDNN ngày 07/9/2026.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố đã báo cáo Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét đối với các trường hợp nêu trên. Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội đã có văn bản chấp thuận chủ trương duy trì các Điểm giao dịch này tại Công văn số 4415/NHCS-TDNN ngày 01/10/2026.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố tiếp tục theo dõi, rà soát quy mô hoạt động, điều kiện địa bàn và tổ chức thực hiện theo nội dung được Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chấp thuận.

5. Tổng hợp số lượng Điểm giao dịch theo đơn vị

STT	Đơn vị	Hiện tại	Sau sắp xếp	Tăng/giảm
1	Hội sở Chi nhánh	26	10	-16
2	PGD Long Thành	13	10	-3
3	PGD Trảng Bom	16	9	-7
4	PGD Long Khánh	14	9	-5
5	PGD Xuân Lộc	17	10	-7
6	PGD Định Quán	12	9	-3
7	PGD Vĩnh Cửu	10	8	-2
8	PGD Tân Phú	15	9	-6
9	PGD Thống Nhất	11	7	-4
10	PGD Cẩm Mỹ	13	8	-5
11	PGD Nhơn Trạch	12	9	-3
12	PGD Bình Long	7	7	0
13	PGD Lộc Ninh	15	10	-5
14	PGD Bình Phước	8	6	-2
15	PGD Phước Long	8	6	-2
16	PGD Bù Đăng	16	12	-4
17	PGD Đồng Phú	11	9	-2
18	PGD Chơn Thành	8	6	-2
19	PGD Bù Đốp	8	8	0
20	PGD Bù Gia Mập	8	8	0
21	PGD Phú Riềng	9	9	0
22	PGD Hớn Quản	13	9	-4
Tổng cộng		270	188	-82

V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Kết quả dự kiến

Việc sắp xếp từ 270 xuống 188 Điểm giao dịch, giảm 82 điểm, được thực hiện trên cơ sở tổ chức lại phạm vi phục vụ, sáp nhập các Điểm giao dịch có điều kiện phù hợp và tăng quy mô phục vụ bình quân tại mỗi Điểm giao dịch.

Sau sắp xếp dự kiến:

- 95/95 xã, phường có ít nhất 01 Điểm giao dịch tại trụ sở UBND cấp xã;
- Không phát sinh Điểm giao dịch mở mới;
- Các thôn, ấp, khu phố được phân công đầy đủ về Điểm giao dịch cụ thể;
- Quy mô Tổ Tiết kiệm và Vay vốn tại các Điểm giao dịch được rà soát, củng cố, sắp xếp phù hợp với tiêu chí; đối với các trường hợp đặc thù đã được Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chấp thuận, thực hiện theo nội dung được chấp thuận;
- Thời gian một phiên giao dịch bảo đảm không quá 04 giờ trong điều kiện bình thường;
- Các địa bàn xa, rộng, đông khách hàng hoặc có điều kiện giao thông khó khăn được xem xét riêng, không giảm Điểm giao dịch một cách cơ học.

2. Tác động tích cực

- Giảm số lượng đầu mối phải bố trí nhân lực, phương tiện, cơ sở vật chất và bảo đảm an ninh, an toàn;
- Tăng quy mô giao dịch bình quân tại các Điểm giao dịch;
- Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát;
- Phù hợp hơn với địa giới hành chính cấp xã sau sắp xếp;
- Bảo đảm người dân tiếp tục được phục vụ tại địa bàn cơ sở;
- Tạo điều kiện củng cố, sắp xếp lại các Tổ Tiết kiệm và Vay vốn, nâng cao chất lượng hoạt động của Tổ.

3. Khó khăn và giải pháp

Sau sắp xếp, quy mô hoạt động tại một số Điểm giao dịch tăng; một số khách hàng và Tổ Tiết kiệm và Vay vốn có thể phải thay đổi địa điểm giao dịch, do đó trong thời gian đầu có thể phát sinh khó khăn, trở ngại trong việc tiếp cận địa điểm và thực hiện giao dịch.

Để hạn chế ảnh hưởng đến khách hàng, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện thông báo, công khai đầy đủ về địa điểm, ngày, giờ giao dịch mới; hướng dẫn Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và Vay vốn và khách hàng về phạm vi phục vụ sau sắp xếp; đồng thời phối hợp với UBND cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ khách hàng trong thời gian đầu thực hiện.

Trong quá trình triển khai, Chi nhánh thường xuyên theo dõi tình hình thực tế; kịp thời rà soát, điều chỉnh phạm vi phục vụ, lịch giao dịch hoặc các nội dung liên quan đối với trường hợp phát sinh bất cập, bảo đảm hoạt động tín dụng chính sách được duy trì ổn định, thông suốt và không gây khó khăn cho người dân, khách hàng.

VI. QUY TRÌNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội sở thành phố và các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc

Chủ động rà soát toàn bộ Điểm giao dịch thuộc phạm vi quản lý; báo cáo với UBND cấp xã, Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội cấp xã, phối hợp cùng các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và các đơn vị liên quan để thống nhất phương án sắp xếp.

Xác định cụ thể đối với từng Điểm giao dịch: duy trì, điều chỉnh phạm vi, điều chỉnh địa điểm, sáp nhập hoặc chấm dứt hoạt động; đồng thời xác định rõ Điểm giao dịch tiếp nhận toàn bộ phạm vi phục vụ của Điểm giao dịch được sắp xếp.

Rà soát, phân công đầy đủ thôn, ấp, khu phố về từng Điểm giao dịch; không để trùng lặp hoặc bỏ sót địa bàn.

Đối với các Điểm giao dịch có trên 30 Tổ Tiết kiệm và Vay vốn, chủ trì phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và Vay vốn thực hiện củng cố, sắp xếp lại Tổ Tiết kiệm và Vay vốn trong tháng 10/2026.

Hoàn thiện văn bản chấp thuận của UBND cấp xã về địa điểm giao dịch, cơ sở vật chất, an ninh, an toàn; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của số liệu và phương án thuộc địa bàn quản lý.

2. Phòng Kế hoạch - Tín dụng

Chủ trì tổng hợp, kiểm tra và hoàn thiện Phương án sắp xếp Điểm giao dịch của toàn Chi nhánh.

Đối chiếu các nội dung: số lượng Điểm giao dịch, Tổ Tiết kiệm và Vay vốn, khách hàng, dư nợ, phạm vi phục vụ, khoảng cách, thời gian di chuyển, ngày giờ giao dịch, địa điểm giao dịch và văn bản chấp thuận của UBND cấp xã.

Theo dõi riêng các Điểm giao dịch có trên 30 Tổ Tiết kiệm và Vay vốn; tổng hợp kết quả củng cố, sắp xếp Tổ Tiết kiệm và Vay vốn trong tháng 10/2026.

Đối với trường hợp sau khi củng cố, sắp xếp vẫn còn trên 30 Tổ Tiết kiệm và Vay vốn hoặc không đáp ứng các tiêu chí về khoảng cách, thời gian di chuyển do điều kiện đặc thù, tham mưu Chi nhánh báo cáo Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét, quyết định trước khi trình Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố phê duyệt.

Sau khi Phương án được phê duyệt, hướng dẫn, theo dõi các đơn vị tổ chức thực hiện; tổng hợp khó khăn, vướng mắc và tham mưu Giám đốc Chi nhánh xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

3. Thực hiện các điều kiện trước khi đưa Điểm giao dịch mới vào hoạt động

Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thực hiện khai báo thông tin sắp xếp Điểm giao dịch trên phần mềm theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội tối thiểu 10 ngày trước ngày bắt đầu tổ chức giao dịch theo Phương án.

Chuẩn bị đầy đủ địa điểm, cơ sở vật chất, đường truyền, trang thiết bị và phương án bảo đảm an ninh, an toàn.

Đối với Điểm giao dịch thay đổi địa điểm hoặc phạm vi phục vụ, phải hoàn thành việc bàn giao phạm vi phục vụ, Tổ Tiết kiệm và Vay vốn, khách hàng, hồ sơ và dư nợ; thực hiện kiểm tra, đối chiếu trước khi chuyển sang tổ chức giao dịch tại địa điểm mới.

4. Thông báo, công khai việc thay đổi Điểm giao dịch

Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày tổ chức phiên giao dịch đầu tiên tại Điểm giao dịch mới, Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thông báo bằng văn bản cho UBND cấp xã, Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác để thông báo đến Ban quản lý Tổ Tiết kiệm và Vay vốn và khách hàng.

Đồng thời, thực hiện công khai tại Điểm giao dịch cũ về ngày, giờ, địa điểm giao dịch mới, thời điểm bắt đầu giao dịch và đầu mối hỗ trợ để khách hàng biết, phối hợp thực hiện.

VII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Trong tháng 9/2026

Hoàn thiện Phương án sắp xếp Điểm giao dịch toàn Chi nhánh; hoàn thiện Biểu tổng hợp chi tiết kèm theo; rà soát lần cuối số Tổ Tiết kiệm và Vay vốn, khách hàng, dư nợ, phạm vi phục vụ, khoảng cách và thời gian di chuyển; hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Trong tháng 10/2026

Tập trung thực hiện việc **củng cố, sắp xếp lại các Tổ Tiết kiệm và Vay vốn tại các Điểm giao dịch sau sắp xếp**, đặc biệt đối với các Điểm giao dịch có trên 30 Tổ Tiết kiệm và Vay vốn tại thời điểm 31/8/2026.

Hoàn thành việc phân công lại Tổ Tiết kiệm và Vay vốn, khách hàng và phạm vi phục vụ giữa các Điểm giao dịch.

Rà soát kết quả thực hiện; trường hợp vẫn còn Điểm giao dịch trên 30 Tổ Tiết kiệm và Vay vốn hoặc không đáp ứng các tiêu chí theo Công văn số 4079/NHCS-TDNN thì lập báo cáo riêng, trình cấp có thẩm quyền xem xét.

3. Từ tháng 11/2026

Tổ chức triển khai Phương án sắp xếp Điểm giao dịch.

Chỉ tổ chức phiên giao dịch tại Điểm giao dịch mới sau khi đã hoàn thành đầy đủ các điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất, đường truyền, trang thiết bị, an ninh, an toàn, thông báo và công khai theo quy định.

Theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động sau sắp xếp; kịp thời điều chỉnh những vấn đề phát sinh nhằm bảo đảm phục vụ người dân, khách hàng và hoạt động tín dụng chính sách ổn định, thông suốt.

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND cấp xã phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay trong việc bố trí địa điểm Điểm giao dịch, bảo đảm cơ sở vật chất, an ninh, an toàn và tạo điều kiện thuận lợi để Ngân hàng Chính sách xã hội tổ chức các phiên giao dịch phục vụ người dân.

Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay trong việc rà soát, củng cố, sắp xếp Tổ Tổ Tiết kiệm và Vay vốn; thông tin đầy đủ đến Ban quản lý Tổ Tổ Tiết kiệm và Vay vốn và khách hàng về những thay đổi liên quan đến Điểm giao dịch.

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố kính trình Ban đại diện HĐQT Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố xem xét, thống nhất và phê duyệt Phương án để Chi nhánh tổ chức thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND thành phố (báo cáo);
- Bà Nguyễn Thị Hoàng – Phó Chủ tịch UBND thành phố, Trưởng Ban đại diện HĐQT NHCSXH thành phố;
- Thành viên Ban đại diện HĐQT NHCSXH thành phố;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác thành phố;
- UBND, Ban đại diện HĐQT NHCSXH cấp xã;
- Ban Giám đốc Chi nhánh;
- Các Phòng CMNV chi nhánh thành phố;
- Các Phòng giao dịch trực thuộc;
- Lưu: VT, KHTD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Sỹ Cường



HÀNH

PHỐ

CHÍNH

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM

SAU

ĐIỂM</

SAU SẮP XẾP ĐIỂM GIAO DỊCH																						
STT	HUYỆN TẠI									SAU SẮP XẾP ĐIỂM GIAO DỊCH												
	Tên Phòng giao dịch/ Xã (Phường)	Tên điểm giao dịch	Dư nợ	Số TK TKA/VV	Số khách hàng của dư nợ	Khoảng cách từ điểm giao dịch đến điểm giao dịch	Thời gian di chuyển từ điểm giao dịch đến điểm giao dịch	Tình trạng của điểm giao dịch sau xếp hạng	Tên xã	Xã vùng khu (VKK) (không thuộc vùng khu (VKK))	Tên điểm giao dịch	Ngày và giờ giao dịch của điểm giao dịch	Địa điểm giao dịch	Dư nợ	Số TK TKA/VV	Số khách hàng của dư nợ	Khoảng cách từ điểm giao dịch đến điểm giao dịch (km)	Thời gian di chuyển từ điểm giao dịch đến điểm giao dịch	Vấn hạn chấp thuận của UBND cấp xã	Ghi chú nếu có ý đề điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20			
3	PGD Trưng Bôn	16	633	238	11.210	- Phương: 8 - Xã: 10 - Xã VKK: 0	- Phương: 20 - Xã: 20 - Xã VKK: 0	- Điểm điểm: 7 điểm - Mức mới: 0 điểm - Điểm điểm: 7 điểm - Giới nguyên: 0 điểm	5	Số xã không thuộc VKK: 5 xã (phường)	9			633	227	11.210	- Phương: 8 - Xã: 8 - Xã VKK: 0	- Phương: 20 - Xã: 20 - Xã VKK: 0	* VH số 5843/UBND-VX ngày 21/9/2026 của UBND xã An Viễn	Giảm: 7 điểm (tương ứng: 44%) Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 9 Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0		
3.1	xã An Viễn	An Viễn	37	10	525	5	12	Điểm điểm	xã An Viễn	Không thuộc VKK	An Viễn	- Ngày 16 - Thời gian: 08h30 - 11h00	UBND xã An Viễn	69	26	1.183	8	20				
3.2	xã An Viễn	Điểm 61	33	16	658	4	10	Điểm điểm	xã Bàu Hân	Không thuộc VKK	Bàu Hân	- Ngày 09 - Thời gian: 08h30 - 11h00	UBND xã Bàu Hân	86	30	1.583	4	10	* VH số 847/UBND-VX ngày 18/9/2026 của UBND xã Bàu Hân			
3.3	xã Bàu Hân	Bàu Hân	52	19	931	7	18	Điểm điểm														
3.4	xã Bàu Hân	Thanh Bình 2	35	14	652	6	16	Điểm điểm														
3.5	xã Bàu Hân	Bàu Hân 1	32	12	607	6	16	Điểm điểm					Sông Thao	- Ngày 19 - Thời gian: 08h30 - 11h00	Đảng ủy xã Bàu Hân	68	28	1.335	8	20		
3.6	xã Bàu Hân	Sông Thao	35	16	728	8	20	Điểm điểm	xã Bình Minh	Không thuộc VKK	Bình Minh	Ngày 17 Giờ: 08h30 - 11h00	UBND xã Bình Minh	90	30	1.657	8	20	* VH số 2164/UBND-VXDH ngày 19/9/2026 của UBND xã Bình Minh			
3.7	xã Bình Minh	Bắc Sơn	52	22	929	7	18	Điểm điểm														
3.8	xã Bình Minh	Bình Minh	38	16	728	3	8	Điểm điểm	xã Hưng Thịnh	Không thuộc VKK	Hưng Thịnh	Ngày 07 Giờ: 08h30 - 11h00	UBND xã Hưng Thịnh	75	23	1.269	5	12	* VH số 2130/UBND-VX ngày 18/9/2026 của UBND xã Hưng Thịnh			
3.9	xã Hưng Thịnh	Đông Hòa	39	12	669	3	8	Điểm điểm														
3.10	xã Hưng Thịnh	Hưng Thịnh 2	36	11	690	3	8	Điểm điểm					Tây Hòa	Ngày 14 Giờ: 08h30 - 11h00	Đảng ủy xã Hưng Thịnh	71	26	1.268	3	8		
3.11	xã Hưng Thịnh	Hưng Thịnh	35	12	598	4	10	Điểm điểm														
3.12	xã Hưng Thịnh	Tây Hòa	36	14	670	5	12	Điểm điểm	phường Trưng Bôn	Không thuộc VKK	Giang Diển	Ngày 18 Giờ: 08h30 - 11h00	Nhà văn hóa khu phố Quảng Tiến	71	23	1.059	5	12	* VH số 3496/UBND-VX ngày 21/9/2026 của UBND phường Trưng Bôn			
3.13	phường Trưng Bôn	Giang Diển	39	13	598	3	8	Điểm điểm					Sông Trầu	Ngày 15 Giờ: 08h30 - 10h30	Nhà văn hóa Sông Trầu 2	58	27	1.229	8	20		
3.14	phường Trưng Bôn	Quảng Tiến	32	10	461	3	8	Điểm điểm					Trưng Bôn	Ngày 05 Giờ: 08h30 - 10h30	UBND phường Trưng Bôn	44	14	627	2	5		
3.15	phường Trưng Bôn	Sông Trầu	58	27	1.229	8	20	Giới nguyên														
3.16	phường Trưng Bôn	Trưng Bôn	44	14	627	2	5	Giới nguyên	5	Số xã không thuộc VKK: 5 xã (phường)	9			653	155	10.594	- Phương: 5 - Xã: 0 - Xã VKK: 0	- Phương: 15 - Xã: 0 - Xã VKK: 0	* VH số 1455/UBND-VX ngày 18/09/2026 của UBND phường Hòa Vinh	Giảm: 5 điểm (tương ứng: 35,7%) Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 9 Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0		
4.1	phường Hòa Vinh	Hòa Quang	54	21	1.006	5	15	Giới nguyên	phường Hòa Vinh	Không thuộc VKK	Hòa Quang	Ngày 15 Giờ: 08h30 - 10h30	Trụ sở Ban điều hành Chi bộ Khu phố 2	54	13	1.006	5	15	* VH số 1455/UBND-VX ngày 18/09/2026 của UBND phường Hòa Vinh			
4.2	phường Hòa Vinh	Hòa Vinh	101	33	1.616	4	10	Giới nguyên					Hòa Vinh	Ngày 12 Giờ: 08h30 - 10h30	Trụ sở UBND xã Việt Nam phường Hòa Vinh	101	30	1.616	4	10		
4.3	phường Bình Lộc	Bình Lộc	30	13	588	5	10	Điểm điểm			phường Bình Lộc	Không thuộc VKK	Bình Lộc	Ngày 09 Giờ: 08h30 - 10h30	Trụ sở Ban chấp hành UBND phường Bình Lộc	68	17	1.202	5	15	* VH số 2192/UBND-TH ngày 17/09/2026 của UBND phường Bình Lộc	
4.4	phường Bình Lộc	Suối Tré	38	14	614	3	10	Điểm điểm							Xuân Thiện	Ngày 18 Giờ: 08h30 - 10h30	Trụ sở trung tâm học tập cộng đồng xã Xuân Thiện	61	19	1.047	3	15
4.5	phường Bình Lộc	Xuân Thiện	61	19	1.047	5	15	Giới nguyên	phường Hàng Gòn	Không thuộc VKK	Hàng Gòn	Ngày 19 Giờ: 08h30 - 10h30	Nhà văn hóa khu phố Hàng Gòn	77	22	1.445	5	15	* VH số 1568/UBND-VX ngày 18/09/2026 của UBND phường Hàng Gòn			
4.6	phường Hàng Gòn	Hàng Gòn	46	23	970	5	15	Điểm điểm														
4.7	phường Hàng Gòn	Xuân Tân	30	12	475	4	10	Điểm điểm					Bàu Trâm	Ngày 10 Giờ: 08h30 - 10h30	Trụ sở khu phố Bàu Trâm	58	14	951	4	10		
4.8	phường Long Khánh	Bàu Trâm	58	18	951	4	10	Giới nguyên		phường Long Khánh	Không thuộc VKK	Long Khánh	Ngày 17 Giờ: 08h30 - 10h30	Trụ sở UBND xã UBND phường Long Khánh	87	16	1.148	3	8	* VH số 5024/VX-UBND ngày 18/09/2026 của UBND phường Long Khánh		
4.9	phường Long Khánh	Long Khánh	87	28	1.148	3	8	Giới nguyên														
4.10	phường Long Khánh	Phú Bình 2	34	8	448	2	5	Điểm điểm						Xuân Bình	Ngày 16 Giờ: 08h30 - 10h30	Trụ sở khu phố Phú Bình	70	16	896	3	8	
4.11	phường Long Khánh	Xuân Bình	20	8	249	2	5	Điểm điểm														
4.12	phường Long Khánh	Xuân Hòa 3	16	5	199	2	5	Điểm điểm	phường Xuân Lập	Không thuộc VKK	Xuân Lập	Ngày 11 Giờ: 08h30 - 10h30	Trụ sở UBND xã UBND phường Xuân Lập	77	18	1.283	5	15	* VH số 2297/UBND-CTN ngày 18/09/2026 của UBND phường Xuân Lập			
4.13	phường Xuân Lập	Xuân Lập	32	13	547	5	15	Điểm điểm														
4.14	phường Xuân Lập	Xuân Lập 2	46	17	736	5	15	Điểm điểm	6	Số xã không thuộc VKK: 06 xã (phường)	10			754	222	15.200	- Phương: 0 - Xã: 12 - Xã VKK: 0	- Phương: 0 - Xã: 17 - Xã VKK: 0	* VH số 1832/UBND-VX ngày 18/09/2026 của UBND xã Xuân Lộc	Giảm: 7 điểm (tương ứng: 41,2%) Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 10 Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0		
5.1	xã Xuân Bắc	Suối Nho	51	22	1.013	8	15	Giới nguyên	xã Xuân Bắc	Không thuộc VKK	Suối Nho	Ngày 11, từ 8g30 - 10g30	Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã	51	22	1.013	8	15				
5.2	xã Xuân Bắc	Xuân Bắc	51	22	1.167	8	15	Giới nguyên					Xuân Bắc	Ngày 15, từ 8g30 - 10g30	Hội trường UBND xã	51	22	1.167	8	15	* VH số 1832/UBND-VX ngày 18/09/2026 của UBND xã Xuân Bắc	
5.3	xã Xuân Định	Hòa Hòa	24	11	586	4	8	Điểm điểm	xã Xuân Định	Không thuộc VKK	Xuân Định	Ngày 7, từ 8g30 - 11 g	Hội trường UBND xã	93	22	1.820	10	15	* VH số 7444/UBND-KT ngày 18/09/2026 của UBND xã Xuân Định			
5.4	xã Xuân Định	Xuân Bào	43	16	826	4	8	Điểm điểm														
5.5	xã Xuân Định	Xuân Định	26	8	408	4	8	Điểm điểm	xã Xuân Hòa	Không thuộc VKK	Xuân Hưng	Ngày 12, từ 8g30 - 11 g	Hội trường UBND xã	70	27	1.551	8	12	* VH số 17943/UBND-VP ngày 15/09/2026 của UBND xã Xuân Hòa			
5.6	xã Xuân Hòa	Xuân Hòa	31	14	758	5	10	Điểm điểm					Xuân Tân	Ngày 14, từ 8g30 - 11 g	Trung tâm VHMT và HTCD xã	104	30	2.043	10	15		
5.7	xã Xuân Hòa	Xuân Hưng	26	30	1.579	8	15	Điểm điểm														
5.8	xã Xuân Hòa	Xuân Tân	67	23	1.257	10	17	Điểm điểm														
5.9	phường Xuân Lộc	Xuân Trượng	58	24	1.229	5	10	Điểm điểm		xã Xuân Lộc	Không thuộc VKK	Điểm GD số 1	Ngày 18, từ 8g30 - 11 g	NVHP Trung Nghĩa	92	22	1.661	5	10	* VH số 4274/UBND-VX ngày 21/9/2026 của UBND phường Xuân Lộc		
5.10	phường Xuân Lộc	Xuân Lộc	34	8	432	5	10	Điểm điểm						Điểm GD số 2	Ngày 5, từ 8g30 đến 11g	NVHKhu phố Suối Cù	84	21	1.747	6	10	
5.11	phường Xuân Lộc	Xuân Hiệp	49	20	1.080	5	10	Điểm điểm														
5.12	phường Xuân Lộc	Suối Cù	35	13	667	6	10	Điểm điểm					Điểm GD số 3	Ngày 9, từ 8g30 đến 10g	NVHKhu phố Thọ Lộc	52	14	1.078	5	10		
5.13	phường Xuân Lộc	Xuân Thọ	52	21	1.078	5	10	Giới nguyên	xã Xuân Phú	Không thuộc VKK	Xuân Phú	Ngày 10, từ 8g30 - 11g	Hội trường UBND xã	75	20	1.455	12	17	* VH số 3537/UBND-VX ngày 17/9/2026 của UBND xã Xuân Phú			
5.14	xã Xuân Phú	Làng Minh	36	13	646	6	10	Điểm điểm														
5.15	xã Xuân Phú	Xuân Phú	39	16	899	6	10	Điểm điểm														

THÊN TÀI									SAU SÁP NẾP ĐỀM GIAO DỊCH												
STT	Tên Phòng giao dịch/NA (Phường)	Tên điểm giao dịch	Diện tích	Số Tà TK&VV	Số khách hàng cũ đến dự	Khuyến khích (to đến xa nhất đến điểm giao dịch)	Thời gian đi chuyển từ nhà đến điểm giao dịch	Tình trạng của điểm giao dịch sau sáp nhập	Tên xã	Xã vùng khu khâm (VKK) không thuộc vùng khu khâm (VKK)	Tên điểm giao dịch	Ngày và giờ giao dịch của điểm giao dịch	Địa điểm giao dịch	Diện tích	Số Tà TK&VV	Số khách hàng cũ đến dự	Khuyến khích (to đến xa nhất đến điểm giao dịch)	Thời gian đi chuyển từ nhà đến điểm giao dịch	Vấn bản chấp thuận của UBND cấp xã	Ước tính nếu vụ kiện điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu (nếu có)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
5.16	xã Xuân Thành	Số Cao	45	16	850	6	10	Đang diễn	xã Xuân Thành	Không thuộc VKK	Xuân Thành	Ngày 16, m 8/30 11g	Hội trường UBND xã	82	22	1.665	12	17	*VB số 4/2006/UBND ngày 15/9/2026 của UBND xã Xuân Thành		
5.17	xã Xuân Thành	Xuân Thành	17	16	815	6	10	điều chỉnh phạm vi hoạt động													
6	PGD Đinh Quan	12	631	242	11.381	- Phường: 0 - Xã: 15 - Xã VKK: 0	- Phường: 0 - Xã: 15 - Xã VKK: 0	- Đang diễn 3 điểm - Mở mới: 0 điểm - Điều chỉnh: 3 điểm - Giữ nguyên: 0 điểm	5	Số xã không thuộc VKK: 05 xã (phường)	9	631	210	11.381	Phường: 0 - Xã: 15 - Xã VKK: 0	Phường: 0 - Xã: 15 - Xã VKK: 0					- Giám 3 điểm giao dịch (25%) - Tổng số điểm dự yếu của: 08 điểm - Tổng số điểm chưa đạt yêu cầu: 01 điểm: Thanh Sơn (416) do yếu tố về địa bàn dân cư, PGD sẽ gửi giải trình phương án bổn các khoản để xin cấp lại.
6.1	xã Đinh Quan	Đinh Quan	59	24	1.106	2	5	Giữ nguyên	xã Đinh Quan	Không thuộc VKK	Đinh Quan	Ngày 11: 8h30 đến 10h30	UBND xã Đinh Quan	59	21	1.106	2	5			
6.2	xã Đinh Quan	Gia Canh	70	20	1.054	4	10	Giữ nguyên			Gia Canh	Ngày 16: 8h30 đến 10h30	Nhà văn hóa ấp Cao Cang	70	20	1.054	4	10	*VB số 27283/UBND-VP ngày 15/09/2026 của UBND xã Đinh Quan		
6.3	xã Đinh Quan	Ngọc Dinh	32	13	605	10	10	Đang diễn			Pho Ngoc	Ngày 13: 8h30 đến 10h30	Nhà văn hóa ấp La Ngà	84	29	1.513	10	10			
6.4	xã Đinh Quan	Pho Ngoc	52	18	908	10	10	Điều chỉnh phạm vi hoạt động	xã La Ngà	Không thuộc VKK	La Ngà	Ngày 10: 8h30 đến 10h30	Trung tâm VH-TT & HTCD xã La Ngà	69	21	1.385	5	10	*VB số 23661/UBND-VHCHH ngày 17/09/2026 của UBND xã La Ngà		
6.5	xã La Ngà	La Ngà	69	28	1.385	5	10	Giữ nguyên			Túc Trung	Ngày 17: 9h00 đến 11h00	Nhà văn hóa ấp Dền Dền	36	12	750	4	10			
6.6	xã La Ngà	Túc Trung	36	15	750	4	10	Giữ nguyên													
6.7	xã Phú Hòa	Pho Dừa	34	13	596	3	10	Đang diễn	xã Phú Hòa	Không thuộc VKK	Pho Hòa	Ngày 19: 8h30 đến 10h30	UBND xã Phú Hòa	76	24	1.223	7	10	*VB số 20143/UBND-VP ngày 17/09/2026 của UBND xã Phú Hòa		
6.8	xã Phú Hòa	Pho Hòa	41	13	627	4	10	Điều chỉnh phạm vi hoạt động			Pho Lai	Ngày 7: 8h30 đến 10h30	Trung tâm VH-TT & HTCD Phú Lai	30	13	507	3	5			
6.9	xã Phú Hòa	Pho Lai	30	14	507	3	5	Giữ nguyên													
6.10	xã Phú Vinh	Pho Tân	51	19	788	10	15	Đang diễn	xã Phú Vinh	Không thuộc VKK	Pho Vinh	Ngày 18: 8h30 đến 10h30	UBND xã Phú Vinh	85	29	1.327	10	15	*VB số 17243/UBND-VHCHH ngày 17/09/2026 của UBND xã Phú Vinh		
6.11	xã Phú Vinh	Pho Vinh	34	13	539	3	10	Điều chỉnh phạm vi hoạt động													
6.12	xã Thanh Sơn	Thanh Sơn	123	52	2.436	15	15	Giữ nguyên	xã Thanh Sơn	Không thuộc VKK	Thanh Sơn	Ngày 15: 9h00 đến 11h30	Trung tâm VH-TT & HTCD xã Thanh Sơn	123	41	2.436	15	15	*VB số 13173/UBND-VP ngày 18/9/2026 của UBND xã Thanh Sơn		
7	PGD Vĩnh Cửu	10	652	333	9.738	- Phường: 20 - Xã: 15 - Xã VKK: 0	- Phường: 30 - Xã: 20 - Xã VKK: 0	- Đang diễn: 02 điểm - Mở mới: 0 điểm - Điều chỉnh: 01 điểm - Giữ nguyên: 07 điểm	4	Số xã không thuộc VKK: 04 xã (phường)	8	651	198	9.738	- Phường: 20 - Xã: 15 - Xã VKK: 0	- Phường: 30 - Xã: 20 - Xã VKK: 0					- Giám: 02 điểm (tương ứng: 20%) - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 07; - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 01 điểm: Mã Đà thuộc phường Trại An, do chưa chọn báo tiêu chí về thời gian và khuyến khích, PGD sẽ gửi giải trình phương án bổn các khoản để xin cấp lại.
7.1	xã Phú Lý	Pho Lý	121	34	1.625	15	20	Giữ nguyên	xã Phú Lý	Không thuộc VKK	Pho Lý	- Ngày 07 - Thời gian: 9h00 - 11h00	Trung tâm VH-TT & HTCD xã Phú Lý	121	30	1.625	15	20	*VB số 856/UBND-ĐGDH ngày 17/9/2026 của UBND xã Phú Lý		
7.2	xã Tân An	Tân An	36	12	558	10	20	Giữ nguyên	xã Tân An	Không thuộc VKK	Tân An	- Ngày 05 - Thời gian: 9h00 - 11h00	UBND xã Tân An	36	12	558	10	20	*VB số 66233/UBND-VX ngày 16/9/2026 của UBND xã Tân An		
7.3	xã Tân An	Vinh Tân	90	31	1.430	8	15	Giữ nguyên			Vinh Tân	- Ngày 11 - Thời gian: 8h30 - 11h00	Trụ sở Công an xã Tân An	90	30	1.430	8	15			
7.4	phường Tân Triều	Hình Lely	26	11	460	8	15	Đang diễn			phường Tân Triều	Không thuộc VKK	Tân Triều	- Ngày 15 - Thời gian: 9h00 - 11h00	Trung tâm VH-TT & HTCD phường Tân Triều	109	30	1.748	10	20	*VB số 39923/UBND-THH ngày 18/9/2026 của UBND phường Tân Triều
7.5	phường Tân Triều	Tân Phong	26	9	372	7	14	Đang diễn	Tân Bình 2	- Ngày 31 - Thời gian: 9h00 - 11h00			Trung tâm VH-TT & HTCD Tân Bình, phường Tân Triều	63	23	1.115	6	10			
7.6	phường Tân Triều	Tân Triều	57	20	918	7	14	Điều chỉnh phạm vi hoạt động													
7.7	phường Tân Triều	Tân Bình 2	63	23	1.115	6	10	Giữ nguyên	phường Trại An	Không thuộc VKK	Mã Đà	- Ngày 17 - Thời gian: 8h30 - 11h00	Nhà văn hóa Khu phố Mã Đà	69	24	1.041	20	30	*VB số 26833/UBND-VP ngày 18/9/2026 UBND phường Trại An		
7.8	phường Trại An	Mã Đà	69	24	1.041	20	30	Giữ nguyên			Trại An	- Ngày 19 - Thời gian: 8h00 - 11h00	UBND phường Trại An	90	28	1.174	8	15			
7.9	phường Trại An	Trại An	90	28	1.174	8	15	Giữ nguyên			Trại An 2	- Ngày 09 - Thời gian: 8h30 - 11h00	Nhà văn hóa Khu phố Trại An	74	21	1.047	5	10			
7.10	phường Trại An	Trại An 2	74	21	1.047	5	10	Giữ nguyên													
8	PGD Tân Phú	15	738	263	13.238	- Phường: 7 - Xã: 15 - Xã VKK: 0	- Phường: 15 - Xã: 23 - Xã VKK: 0	- Đang diễn: 6 điểm - Mở mới: 0 điểm - Điều chỉnh: 7 điểm - Giữ nguyên: 2 điểm	5	Số xã không thuộc VKK: 05 xã (phường)	9	739	225	13.238	- Phường: 10 - Xã: 17 - Xã VKK: 0	- Phường: 25 - Xã: 25 - Xã VKK: 0					- Giám: 06 điểm (tương ứng: 40%) - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 09 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu 0
8.1	xã Dak Lax	Dak Lax	51	16	816	15	23	Giữ nguyên	xã Dak Lax	Không thuộc VKK	Dak Lax	- Ngày 22 - Thời gian: 9h30 - 11h30	Trụ sở UBND xã Dak Lax	51	16	816	15	23	*VB số 6273/UBND-KT ngày 22/09/2026 của UBND xã Dak Lax		
8.2	xã Nam Cát Tiến	Nam Cát Tiến	71	25	1.200	10	15	Điều chỉnh phạm vi hoạt động	xã Nam Cát Tiến	Không thuộc VKK	Nam Cát Tiến	- Ngày 10 - Thời gian: 9h00 - 11h00	Trụ sở UBND xã Nam Cát Tiến	100	30	1.628	17	25	*VB số 17453/UBND-KT ngày 15/09/2026 của UBND xã Nam Cát Tiến		
8.3	xã Nam Cát Tiến	Pho An	28	10	428	6	9	Đang diễn													
8.4	xã Phú Lâm	Pho Lâm	60	20	1.056	3	5	Điều chỉnh phạm vi hoạt động	xã Phú Lâm	Không thuộc VKK	Pho Lâm	- Ngày 7 - Thời gian: 9h00 - 11h00	Trụ sở UBND xã Phú Lâm	75	21	1.286	5	7	*VB số 26843/UBND-KT ngày 18/09/2026 của UBND xã Phú Lâm		
8.5	xã Phú Lâm	Pho Lâm 2	42	15	811	3	5	Đang diễn			Pho Sơn 2	- Ngày 17 - Thời gian: 9h00 - 11h00	Hội trường ấp Pho Sơn	87	30	1.589	5	7			
8.6	xã Phú Lâm	Pho Sơn 2	87	32	1.589	4	6	Giữ nguyên			Thanh Sơn 2	- Ngày 6 - Thời gian: 9h00 - 11h00	Nhà văn hóa ấp Thanh Sơn	60	20	1.246	7	10			
8.7	xã Phú Lâm	Thanh Sơn 2	34	14	665	7	10	Điều chỉnh phạm vi hoạt động	xã Ta Lai	Không thuộc VKK	Pho Thanh	- Ngày 18 - Thời gian: 9h00 - 11h00	Nhà văn hóa ấp 2	70	22	1.358	8	16	*VB số 16033/UBND-KT ngày 18/09/2026 của UBND xã Ta Lai		
8.8	xã Ta Lai	Pho Thanh	50	19	995	5	10	Điều chỉnh phạm vi hoạt động			Ta Lai	- Ngày 13 - Thời gian: 9h00 - 11h00	Nhà văn hóa ấp 5	78	26	1.366	5	10			
8.9	xã Ta Lai	Ta Lai	58	21	1.029	7	14	Điều chỉnh phạm vi hoạt động													
8.10	xã Ta Lai	Ta Lai 2	40	13	700	4	8	Đang diễn	phường Tân Phú	Không thuộc VKK	Tân Phú	- Ngày 23 - Thời gian: 9h00 - 11h00	UBND Phường Tân Phú	117	29	2.116	10	25	*VB số 2228/UBND-VP ngày 18/09/2026 của UBND phường Tân Phú		
8.11	phường Tân Phú	Pho Lộc	41	16	807	6	10	Đang diễn													
8.12	phường Tân Phú	Tân Phú	51	18	879	3	7	Điều chỉnh phạm vi hoạt động													
8.13	phường Tân Phú	Trà Cổ	25	8	430	4	8	Đang diễn													
8.14	phường Tân Phú	Pho Thanh	52	20	1.040	7	15	Điều chỉnh phạm vi hoạt động	xã Phú Thạnh	Không thuộc VKK	Pho Thạnh	- Ngày 14 - Thời gian: 9h00 - 11h00	Nhà văn hóa khu phố 5	92	29	1.833	8	20			
8.15	phường Tân Phú	Pho Xuân	39	16	793	5	10	Đang diễn													

STT	THÊN TÀI								SAU SÁP XẾP ĐIỂM GIAO DỊCH											
	Tên Phòng giao dịch/ Xã (Thường)	Tên điểm giao dịch	Dư nợ	Số tài khoản	Số khách hàng còn dư nợ	Khấu giảm tích lũy tiền và số dư đầu tiên giao dịch	Thời gian đi chuyển từ thời điểm giao dịch	Tình trạng của điểm giao dịch sau sáp nhập	Tên xã	Xã vùng khó khăn (VKK) không thuộc vùng khó khăn (VKK)	Tên điểm giao dịch	Ngày và giờ giao dịch của điểm giao dịch	Địa điểm giao dịch	Dư nợ	Số tài khoản	Số khách hàng còn dư nợ	Khấu giảm tích lũy tiền và số dư đầu tiên giao dịch (tính)	Thời gian đi chuyển từ thời điểm giao dịch	Vấn bản chấp thuận của UBND cấp xã	Chỉ chủ nếu có ý kiến giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
9	PGD Thống Nhất	11	617	212	10.147	- Phươg: 7 - Xã: 5 - Xã VKK: 0	- Phươg: 10 - Xã: 10 - Xã VKK: 0	Đóng điểm: 04 điểm Mở mới: 0 điểm Điều chỉnh: 05 điểm Giữ nguyên: 02 điểm	3	Số xã không thuộc VKK: 03 xã (phương)	7			618	188	10.147	- Phươg: 7 - Xã: 5 - Xã VKK: 0	- Phươg: 12 - Xã: 10 - Xã VKK: 0		- Giám: 04 điểm (tương ứng: 36,4%) - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 07 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0
9.1	phương Dâu Gậy	Bãi Hạm 2	51	16	775	5	5	Đóng điểm	phương Dâu Gậy	Không thuộc VKK	Dâu Gậy	- Ngày 18 - Thời gian: 8h30 đến 11h00	UBND Phường Dâu Gậy	104	29	1.509	4	5	* VB số 7349/UBND-VP ngày 18/09/2026 của UBND phường Dâu Gậy	
9.2	phương Dâu Gậy	Dâu Gậy	54	18	714	4	5	Điều chỉnh phạm vi hoạt động			Hưng Lộc	- Ngày 06 - Thời gian: 8h30 đến 11h00	Nhà văn hóa - Văn phòng khu phố Hưng Lộc	115	29	1.682	7	12		
9.3	phương Dâu Gậy	Hưng Lộc	115	34	1.682	7	10	Giữ nguyên			Lô 25	- Ngày 17 - Thời gian: 8h30 đến 11h00	Văn phòng khu phố 2	55	14	699	7	12		
9.4	phương Dâu Gậy	Lô 25	55	15	699	5	10	Giữ nguyên			Gia Kiêm 2	- Ngày 09 - Thời gian: 8h30 đến 11h00	Văn phòng ấp Phước Nhạc	80	29	1.375	5	10		
9.5	xã Gia Kiêm	Gia Kiêm 1	60	20	955	5	10	Đóng điểm	xã Gia Kiêm	Không thuộc VKK	Gia Kiêm 2	- Ngày 09 - Thời gian: 8h30 đến 11h00	Văn phòng ấp Phước Nhạc	80	29	1.375	5	10	* VB số 1804/UBND ngày 22/09/2026 của UBND xã Gia Kiêm	
9.6	xã Gia Kiêm	Gia Kiêm 2	50	20	975	4	10	Điều chỉnh phạm vi hoạt động			Gia Kiêm 3	- Ngày 12 - Thời gian: 8h30 đến 11h00	Văn phòng ấp Nam Sơn	88	29	1.527	5	10		
9.7	xã Gia Kiêm	Gia Kiêm 3	53	20	972	3	5	Điều chỉnh phạm vi hoạt động			Phú Cường	- Ngày 07 - Thời gian: 8h30 đến 11h00	Nhà văn hóa - Văn phòng ấp Bến Núi	81	29	1.760	5	10		
9.8	xã Thống Nhất	Phú Cường	36	18	890	5	10	Điều chỉnh phạm vi hoạt động	xã Thống Nhất	Không thuộc VKK	Thống Nhất	- Ngày 11 - Thời gian: 8h30 đến 11h00	UBND xã Thống Nhất	94	29	1.595	5	10	* VB số 3182/UBND ngày 16/09/2026 của UBND xã Thống Nhất	
9.9	xã Thống Nhất	Phú Túc	44	18	870	5	10	Đóng điểm												
9.10	xã Thống Nhất	Gia Tân 1	51	16	827	5	10	Đóng điểm												
9.11	xã Thống Nhất	Thống Nhất	44	17	768	5	10	Điều chỉnh phạm vi hoạt động												
10	PGD Cầm Mỹ	13	580	219	11.231	- Phươg: 0 - Xã: 14 - Xã VKK: 0	- Phươg: 0 - Xã: 28 - Xã VKK: 0	- Đóng điểm: 05 điểm Mở mới: 0 điểm Điều chỉnh: 04 điểm Giữ nguyên: 04 điểm	5	Số xã không thuộc VKK: 05 xã (phương)	8			580	205	11.231	- Phươg: 0 - Xã: 14 - Xã VKK: 0	- Phươg: 0 - Xã: 28 - Xã VKK: 0		- Giám: 05 điểm (tương ứng: 36,4%) - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 08 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0
10.1	xã Cầm Mỹ	BAO BINH	45	16	795	3	8	Đóng điểm	xã Cầm Mỹ	Không thuộc VKK	Cầm Mỹ	- Ngày 06 - Thời gian: 8h30-11h00	Trụ sở UBND xã Cầm Mỹ	105	30	1.842	14	28	* VB số 22303/UBND-VX ngày 23/09/2026 của UBND xã Cầm Mỹ	
10.2	xã Cầm Mỹ	Cầm Mỹ	26	10	450	5	12	Điều chỉnh phạm vi hoạt động			Xuân Mỹ	- Ngày 09 - Thời gian: 8h30-11h00	Trụ sở ấp Xuân Mỹ 1	60	26	1.280	5	12		
10.3	xã Cầm Mỹ	NGHÂN NGÃ BA	34	13	597	6	15	Đóng điểm			Sông Ray	- Ngày 07 - Thời gian: 8h30-11h00	Trụ sở UBND xã Sông Ray	97	27	1.799	9	18		
10.4	xã Cầm Mỹ	XUÂN MỸ	60	26	1.280	5	12	Giữ nguyên			XUÂN ĐÔNG	- Ngày 12 - Thời gian: 8h30-11h00	Trụ sở UBND xã Xuân Đông	77	29	1.365	14	28	* VB 1769/UBND KT ngày 28/09/2026 của UBND xã Xuân Đông	
10.5	xã Sông Ray	LÂM SAN	31	12	604	7	16	Đóng điểm	xã Sông Ray	Không thuộc VKK	XUÂN TÂY	- Ngày 16 - Thời gian: 8h30-11h00	Trụ sở ấp 2	58	26	1.164	12	22		
10.6	xã Sông Ray	SÔNG RAY	65	27	1.195	7	16	Điều chỉnh phạm vi hoạt động			Xuân Dương	- Ngày 17 - Thời gian: 8h30-11h00	Trụ sở UBND xã Xuân Dương	64	28	1.271	7	16		
10.7	xã Xuân Đông	XUÂN ĐÔNG	77	29	1.365	14	28	Giữ nguyên			Xuân Dương 2	- Ngày 10 - Thời gian: 8h30-11h00	Trụ sở ấp Xuân Dương	47	18	933	7	16		
10.8	xã Xuân Đông	XUÂN TÂY	58	26	1.164	12	22	Giữ nguyên	xã Xuân Dương	Không thuộc VKK	Xuân Quê	- Ngày 14 - Thời gian: 8h30-11h00	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Xuân quê	74	21	1.577	8	15	* VB 1150/UBND-KTN ngày 24/9/2026 của UBND xã Xuân Quê	
10.9	xã Xuân Dương	CẨM DƯƠNG	22	9	419	5	12	Đóng điểm												
10.10	xã Xuân Dương	Xuân Dương	42	19	852	8	19	Điều chỉnh phạm vi hoạt động												
10.11	xã Xuân Dương	XUÂN DƯƠNG 2	47	18	933	7	16	Giữ nguyên												
10.12	xã Xuân Quê	Xuân Quê	48	22	958	8	17	Điều chỉnh phạm vi hoạt động	xã Xuân Quê	Không thuộc VKK										
10.13	xã Xuân Quê	XUÂN QUÊ 2	26	12	619	8	17	Đóng điểm												
11	PGD Nhom Trach	12	585	229	10.982	- Phươg: 03 - Xã: 04 - Xã VKK: 0	- Phươg: 06 - Xã: 12 - Xã VKK: 0	- Đóng điểm: 3 điểm Mở mới: 0 điểm Điều chỉnh: 3 điểm Giữ nguyên: 06 điểm	3	Số xã không thuộc VKK: 03 xã (phương)	9			585	213	10.982	- Phươg: 06 - Xã: 10 - Xã VKK: 0	- Phươg: 12 - Xã: 20 - Xã VKK: 0		- Giám: 03 điểm (tương ứng: 25%) - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 09 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0
11.1	xã Đại Phước	Đại Phước	38	17	771	4	8	Giữ nguyên	xã Đại Phước	Không thuộc VKK	Đại Phước 2	- Ngày 16 - Thời gian: 8h30-11h30	Trụ sở UBND xã Đại Phước	38	17	771	4	8	* VB số 4106/UBND-VP ngày 16/09/2026 của UBND xã Đại Phước	
11.2	xã Đại Phước	Đại Phước 2	69	26	1.263	0	0	Giữ nguyên			Phú Hòa	- Ngày 17 - Thời gian: 8h30-11h30	Trụ sở MTQT và các tổ chức CT, XH xã Đại Phước	69	26	1.263	0	0		
11.3	xã Đại Phước	Phú Hòa	118	39	1.961	4	8	Giữ nguyên			Phước Khánh	- Ngày 18 - Thời gian: 8h30-11h30	Trụ sở Nhà văn hóa ấp Phước Lương	118	30	1.961	4	8		
11.4	xã Đại Phước	Phước Khánh	50	21	1.013	0	0	Giữ nguyên				- Ngày 11 - Từ 8h30-11h30	Trụ sở Nhà văn hóa ấp Phước Khánh	50	21	1.013	0	0		
11.5	phương Nhom Trach	Lung Tân	30	14	609	0	0	Đóng điểm	phương Nhom Trach	Không thuộc VKK	Phú Thành	- Ngày 19 - Từ 8h30-11h30	Trụ sở Nhà văn hóa khu phố Phú Thành	64	29	1.367	6	12	* VB số 3912/CV-UBND ngày 16/09/2026 của UBND phường Nhom Trach	
11.6	phương Nhom Trach	Phú Thành	34	15	758	0	0	Điều chỉnh phạm vi hoạt động			Nhom Trach	- Ngày 09 - Thời gian: 8h30-11h30	Trụ sở UBND phường Nhom Trach	34	14	681	0	0		
11.7	phương Nhom Trach	Nhom Trach	34	14	681	0	0	Giữ nguyên			Thị trấn Hiệp Phước	- Ngày 10 - Thời gian: 8h30-11h30	Trụ sở Nhà văn hóa khu phố Mỹ Khoun	65	23	1.132	4	8		
11.8	phương Nhom Trach	Phước Thuận	30	12	589	3	6	Đóng điểm												
11.9	phương Nhom Trach	Đại trấn Hiệp Phước	35	11	543	3	6	Điều chỉnh phạm vi hoạt động	xã Phước An	Không thuộc VKK	Phước An	- Ngày 14 - Thời gian: 8h30-11h30	Trụ sở UBND xã Phước An	89	30	1.686	10	20	* VB số 8292/UBND ngày 16/9/2026 của UBND xã Phước An	
11.10	xã Phước An	Lung Thọ	31	13	600	4	8	Đóng điểm			Vinh Thành	- Ngày 12 - Thời gian: 8h30-11h30	Trụ sở UBND xã Phước An	58	23	1.108	4	8		
11.11	xã Phước An	Phước An	58	24	1.086	6	12	Điều chỉnh phạm vi hoạt động												
11.12	xã Phước An	Vinh Thành	58	23	1.108	4	8	Giữ nguyên												
12	PGD Bình Long	7	375	102	4.834	- Phươg: 8 - Xã: 0 - Xã VKK: 0	- Phươg: 15 - Xã: 4 - Xã VKK: 0	- Đóng điểm: 0 điểm Mở mới: 0 điểm Điều chỉnh: 0 điểm Giữ nguyên: 7 điểm	2	Số xã không thuộc VKK: 02 xã (phương)	7			375	100	4.834	- Phươg: 8 - Xã: 0 - Xã VKK: 0	- Phươg: 15 - Xã: 4 - Xã VKK: 0		- Tổng/giảm: 0 điểm (tương ứng: 5%) - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 07 điểm - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0 điểm
12.1	phương An Lộc	An Lộc	75	21	1.034	7	14	Giữ nguyên	phương An Lộc	Không thuộc VKK	An Lộc	- Ngày 16 - Thời gian: 8h00-11h00	Trụ sở nhà văn hóa KP Vinhrai	75	21	1.034	7	14	* VB số 2047/UBND-TH ngày 28/9/2026 của UBND phường An Lộc	
12.2	phương An Lộc	Thanh Lương	120	32	1.502	8	15	Giữ nguyên			Thanh Lương	- Ngày 12 - Thời gian: 8h00-12h00	Trụ sở nhà văn hóa KP Thanh Hòa	120	30	1.502	8	15		
12.3	phương An Lộc	Thanh Phú	21	6	282	6	13	Giữ nguyên			Thanh Phú	- Ngày 6 - Thời gian: 8h00-9h30	Trụ sở nhà văn hóa KP Phú Hưng	21	6	282	6	13		
12.4	phương Bình Long	Bình Long	55	15	645	7	14	Giữ nguyên	phương Bình Long	Không thuộc VKK	Bình Long	- Ngày 10 - Thời gian: 8h00-10h00	Trụ sở UBND phường Bình Long	55	15	645	7	14	* VB số 4788/UBND-TH ngày 26/9/2026 của UBND phường Bình Long	
12.5	phương Bình Long	Phú Đức	19	5	241	3	5	Giữ nguyên			Phú Đức	- Ngày 7 - Thời gian: 8h00-9h30	Trụ sở nhà văn hóa KP Phú Nghĩa	19	5	241	3	5		
12.6	phương Bình Long	Hưng Chuẩn	44	11	545	6	10	Giữ nguyên			Hưng Chuẩn	- Ngày 14 - Thời gian: 8h00-10h00	Trụ sở Ban chỉ huy quân sự phường Bình Long	44	11	545	6	10		
12.7	phương Bình Long	Thanh Bình	42	12	585	8	15	Giữ nguyên			Thanh Bình	- Ngày 21 - Thời gian: 8h00-10h30	Trụ sở nhà văn hóa KP Thanh Bình	42	12	585	8	15		

HỌ TÊN TÀI								SAU XÁP XẾP ĐIỂM GIAO DỊCH												Ghi chú nếu có lý do điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu (nếu có)	
STT	Tên Phòng giao dịch/ Xá (Phòng)	Tên điểm giao dịch	Dư nợ	Số TK TK&VV	Số khách hàng con dư	Khuyến cách tư vấn xa nhất đến điểm giao dịch	Thời gian di chuyển từ tài xa nhất đến điểm giao dịch	Tích trung của điểm giao dịch sau sáp xếp	Tên xa	Xá vùng lân cận (VKK) /Không thuộc vùng lân cận (VKK)	Tên điểm giao dịch	Ngày và giờ giao dịch của điểm giao dịch	Địa điểm giao dịch	Dư nợ	Số TK TK&VV	Số khách hàng con dư	Khuyến cách tư vấn xa nhất đến điểm giao dịch (bản)	Thời gian di chuyển từ tài xa nhất đến điểm giao dịch	Vấn bản chấp thuận của UBND cấp xã	Ghi chú nếu có lý do điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu (nếu có)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
13	PGD Lạc Ninh	15	792	262	11.978	- Phương: 05 - Xá: 9 - Xá VKK: 8	- Phương: 07 - Xá: 15 - Xá VKK: 13	Điểm điểm: 05 điểm Mô mới: 0 điểm Điều chỉnh: 07 điểm Giới nguyên: 03 điểm	6	Số xa thuộc VKK: 02 xa - Số xa không thuộc VKK: 04 xa (phương)	10			792	262	11.978	- Phương: 10 - Xá: 12 - Xá VKK: 10	- Phương: 20 - Xá: 20 - Xá VKK: 20		- Giám: 05 điểm (tương ứng: 33%) - Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 10 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0 điểm	
13.1	xã Lạc Hưng	Lạc Hưng	71	21	1.059	6	10	điều chỉnh phạm vi hoạt động	xã Lạc Hưng	Không thuộc VKK	Lạc Hưng	- Ngày 13 - Thời gian 8 giờ - 10 giờ	Hàn chi huy Quân sự xã	97	30	1.492	6	12	* Văn số 29/UBND-NHCS ngày 16/09/2026 của UBND xã Lạc Hưng		
13.2	xã Lạc Hưng	Lạc Khánh	52	18	777	3	5	Điểm điểm			Lạc Hưng	- Ngày 16 - Thời gian 8 giờ - 10 giờ	Hàn trưởng UBND xã	68	26	1.145	10	20			
13.3	xã Lạc Hưng	Lạc Hưng	42	18	801	5	7	điều chỉnh phạm vi hoạt động			Lạc Hưng	- Ngày 16 - Thời gian 8 giờ - 10 giờ	Hàn trưởng UBND xã	68	26	1.145	10	20			
13.4	phương Lạc Ninh	Lạc Ninh	45	17	640	3	5	điều chỉnh phạm vi hoạt động			Lạc Ninh	- Ngày 17 - Thời gian 8 giờ - 10 giờ	Hàn trưởng UBND phường	76	30	1.243	10	20			
13.5	phương Lạc Ninh	Lạc Thuận	31	15	603	4	5	Điểm điểm	phương Lạc Ninh		Lạc Thuận	- Ngày 11 - Thời gian 8 giờ - 10 giờ	Nhà văn hóa Khu phố 9 Phường Lạc Ninh	47	19	829	5	7	* Văn số 1799/UBND-NHCS ngày 22/09/2026 của UBND phường Lạc Ninh		
13.6	phương Lạc Ninh	Lạc Thuận	47	19	829	5	7	Giới nguyên			Lạc Thuận	- Ngày 09 - Thời gian 8 giờ 30 - 11 giờ 30	Công an xã Lạc Ninh	104	28	1.355	10	20			
13.7	xã Lạc Quang	Bến Xang	81	21	1.002	6	10	điều chỉnh phạm vi hoạt động	xã Lạc Quang	VKK	Bến Xang	- Ngày 09 - Thời gian 8 giờ 30 - 11 giờ 30	UBND xã Lạc Quang	87	28	1.359	8	15	* Văn số 1891/UBND-NHCS ngày 14/09/2026 của UBND xã Lạc Quang		
13.8	xã Lạc Quang	Lạc Hấp	51	19	838	5	7	Điểm điểm			Lạc Quang	- Ngày 12 - Thời gian 8 giờ 30 - 11 giờ 30	UBND xã Lạc Quang	87	28	1.359	8	15			
13.9	xã Lạc Quang	Lạc Quang	59	16	874	8	13	điều chỉnh phạm vi hoạt động			Lạc Quang	- Ngày 19 - Thời gian 8 giờ - 10 giờ	UBND xã Lạc Quang	51	22	961	8	15			
13.10	xã Lạc Tấn	Lạc Tấn	51	22	961	8	13	Giới nguyên			Lạc Tấn	- Ngày 14 - Thời gian 8 giờ - 10 giờ	Nhà văn hóa Lạc Tấn	51	21	913	9	15			
13.11	xã Lạc Tấn	Lạc Thuận	51	21	913	9	15	Giới nguyên	xã Lạc Tấn	Không thuộc VKK	Lạc Thuận	- Ngày 14 - Thời gian 8 giờ - 10 giờ	Nhà văn hóa Lạc Tấn	51	21	913	9	15	* Văn số 3934/UBND-NHCS ngày 14/09/2026 của UBND xã Lạc Tấn		
13.12	xã Lạc Thành	Lạc Thành	72	19	948	6	10	điều chỉnh phạm vi hoạt động			Lạc Thành	- Ngày 18 - Thời gian 8 giờ 30 - 11 giờ 30	UBND xã Lạc Thành	108	30	1.448	12	17			
13.13	xã Lạc Thành	Lạc Thành	35	13	500	6	10	Điểm điểm			Lạc Thành	- Ngày 07 - Thời gian 8 giờ 30 - 11 giờ 30	UBND xã Lạc Thành	103	28	1.233	5	10			
13.14	xã Lạc Thành	Lạc Hoa	42	12	532	5	7	Điểm điểm			Lạc Thành	- Ngày 07 - Thời gian 8 giờ - 11 giờ	UBND xã Lạc Thành	103	28	1.233	5	10			
13.15	xã Lạc Thành	Lạc Thành	61	16	701	5	7	điều chỉnh phạm vi hoạt động	xã Lạc Thành	VKK	Lạc Thành	- Ngày 07 - Thời gian 8 giờ - 11 giờ	UBND xã Lạc Thành	103	28	1.233	5	10	* Văn số 1767/UBND-NHCS ngày 14/09/2026 của UBND xã Lạc Thành		
14	PGD Bình Phước	8	398	124	5.572	- Phương: 8 - Xá: 0 - Xá VKK: 0	- Phương: 16 - Xá: 0 - Xá VKK: 0	Điểm điểm: 02 điểm Mô mới: 0 điểm Điều chỉnh: 03 điểm Giới nguyên: 03 điểm	2	Số xa không thuộc VKK: 02 xa (phương)	6		398	109	5.572	- Phương: 8 - Xá: 0 - Xá VKK: 0	- Phương: 16 - Xá: 0 - Xá VKK: 0		- Giám: 02 điểm (tương ứng: 25%) - Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 06 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0 điểm		
14.1	phương Bình Phước	Bình Phước	51	12	602	3	6	điều chỉnh phạm vi hoạt động	phương Bình Phước	Không thuộc VKK	Bình Phước	- Ngày 09 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Trụ sở UBND phường (HTT/MTTQ/VN phường)	71	16	852	3	6	* Văn số 4833/UBND-VX ngày 18/9/2026 của UBND phường Bình Phước		
14.2	phương Bình Phước	Tân Đồng	43	12	543	4	8	Điểm điểm			Tân Đồng	Ngày 12: Thời gian: 8h00 - 11h00	Nhà văn hóa KP Tân Đồng	69	18	975	5	10			
14.3	phương Bình Phước	Tân Thuận	26	12	432	2	4	điều chỉnh phạm vi hoạt động			Tân Thuận	- Ngày 18 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Nhà văn hóa KP Tân Thuận 1	60	16	841	5	9			
14.4	phương Bình Phước	Tân Xuân	43	13	616	4	8	điều chỉnh phạm vi hoạt động			Tân Xuân	- Ngày 14 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Nhà văn hóa KP Tân Xuân 1	71	23	1.158	8	16			
14.5	phương Bình Phước	Tân Bình	38	10	477	3	6	Điểm điểm	phương Đồng Xoài	Không thuộc VKK	Tân Bình	- Ngày 06 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Trụ sở UBND phường (HTT/MTTQ/VN phường)	57	17	722	7	14	* Văn số 4532/UBND-VX ngày 17/9/2026 của UBND phường Đồng Xoài		
14.6	phương Bình Phước	Tân Hưng	73	24	1.158	8	16	Giới nguyên			Tân Hưng	- Ngày 14 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Nhà văn hóa KP Tân Hưng 1	71	23	1.158	8	16			
14.7	phương Đồng Xoài	Đồng Xoài	57	18	720	7	14	Giới nguyên			Đồng Xoài	- Ngày 06 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Trụ sở UBND phường (HTT/MTTQ/VN phường)	57	17	722	7	14			
14.8	phương Đồng Xoài	Tân Thuận	66	23	1.024	7	14	Giới nguyên			Tân Thuận	- Ngày 16 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Nhà văn hóa KP 3	66	19	1.024	7	14			
15	PGD Phước Long	8	394	108	4.997	- Phương: 10 - Xá: 0 - Xá VKK: 0	- Phương: 15 - Xá: 0 - Xá VKK: 0	Điểm điểm: 2 điểm Mô mới: 0 điểm Điều chỉnh: 1 điểm Giới nguyên: 4 điểm	2	Số xa không thuộc VKK: 2 phương	6		393	102	4.997	- Phương: 10 - Xá: 0 - Xá VKK: 0	- Phương: 15 - Xá: 0 - Xá VKK: 0		- Giám: 02 điểm (tương ứng: 25%) - Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 06 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0 điểm		
15.1	phương Phước Bình	Bình Sơn	40	12	527	10	15	Giới nguyên	phương Phước Bình	Không thuộc VKK	Bình Sơn	- Ngày 07 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Hàn trưởng Khu phố Sơn Hà	40	12	527	10	15	* Thông báo số 424/TB-UBND ngày 18/9/2026 của UBND phường Phước Bình		
15.2	phương Phước Bình	Long Giang	47	13	630	5	10	Giới nguyên			Long Giang	- Ngày 15 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Hàn trưởng Khu phố Long Giang	47	13	630	5	10			
15.3	phương Phước Bình	Phước Bình	64	19	776	4	8	điều chỉnh phạm vi hoạt động			Phước Bình	- Ngày 11 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Khoan viên UBND phường Phước Bình và Kế toán trưởng (Hàn trưởng CHMTQT Việt Nam phường)	96	28	1.160	5	10			
15.4	phương Phước Bình	Phước Vĩnh	32	9	384	3	7	Điểm điểm			Phước Vĩnh	- Ngày 09 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Hàn trưởng Khu phố Phước Vĩnh	62	16	1.019	7	10			
15.5	phương Phước Long	Phước Tín	62	20	1.019	7	10	Giới nguyên	phương Phước Long	Không thuộc VKK	Phước Tín	- Ngày 09 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Hàn trưởng Khu phố Phước Vĩnh	62	16	1.019	7	10	* Thông báo số 296/TB-UBND ngày 16/9/2026 của UBND phường Phước Long		
15.6	phương Phước Long	Phước Long	37	10	409	3	6	điều chỉnh phạm vi hoạt động			Phước Long	- Ngày 17 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Hàn trưởng UBND phường Phước Long	78	17	896	3	7			
15.7	phương Phước Long	Sơn Giang	41	9	487	3	6	Điểm điểm			Phước Long	- Ngày 13 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Hàn trưởng UBND phường Phước Long	78	17	896	3	7			
15.8	phương Phước Long	Thác Mơ	70	16	765	3	7	Giới nguyên			Thác Mơ	- Ngày 13 - Thời gian: 8h00 - 11h00	Hàn trưởng Khu phố 06 tháng 01	70	16	765	3	7			
16	PGD Bù Đăng	16	814	296	12.850	- Phương: 0 - Xá: 12 - Xá VKK: 10	- Phương: 0 - Xá: 15 - Xá VKK: 15	Điểm điểm: 04 điểm Mô mới: 0 điểm Điều chỉnh: 04 điểm Giới nguyên: 08 điểm	6	Số xa thuộc VKK: 03 xa - Số xa không thuộc VKK: 03 xa (phương)	12		814	284	12.850	- Phương: 0 - Xá: 12 - Xá VKK: 10	- Phương: 0 - Xá: 15 - Xá VKK: 15		- Giám: 04 điểm (tương ứng: 25%) - Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 12 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0 điểm		
16.1	xã Bóm Bó	Bóm Bó	49	20	910	12	15	Giới nguyên	xã Bóm Bó	Không thuộc VKK	Bóm Bó	ngày 5 từ 8h30-11h00	Nhà Văn hóa Bóm Bó	56	20	949	10	15	* Văn số 32/UBND ngày 28/09/2026 của UBND xã Bóm Bó		
16.2	xã Bóm Bó	Bóm Bó	56	20	949	5	10	Giới nguyên			Bóm Bó	ngày 13 từ 8h30-11h00	HT UBND xã Bóm Bó	49	20	910	10	15			
16.3	xã Bù Đăng	Bù Đăng	56	19	803	3	5	điều chỉnh phạm vi hoạt động			Bù Đăng	ngày 18 từ 8h-11h	HT UBND xã Bù Đăng	85	30	1.358	10	15			
16.4	xã Bù Đăng	Đoàn Kéo	29	13	555	5	10	Điểm điểm			Bù Đăng	ngày 06 từ 8h30-11h	Nhà Văn hóa Minh Hưng	39	18	813	5	9			
16.5	xã Bù Đăng	Minh Hưng 1	39	18	813	10	15	Giới nguyên	xã Đăk Nhai	VKK	Đăk Nhai	ngày 17 từ 8h30-11h00	HT UBND xã Đăk Nhai	117	30	1.371	7	10	* Văn số 26/7/UBND ngày 25/09/2026 của UBND xã Đăk Nhai		
16.6	xã Đăk Nhai	Đăk Nhai	117	30	1.371	7	10	Giới nguyên			Đăk Nhai	ngày 9 từ 8h30-11h00	Nhà văn hóa Thôn 1	62	18	718	10	15			
16.7	xã Đăk Nhai	Đường 10	62	18	718	10	15	Giới nguyên			Đường 10	ngày 9 từ 8h30-11h00	Nhà văn hóa Thôn 1	62	18	718	10	15			
16.8	xã Nghĩa Trung	Nghĩa Bình	23	10	392	1	15	Điểm điểm			Bù Na	Ngày 19 từ 8h30-11h00	HT MTTQ/VN xã	65	26	1.115	10	15			
16.9	xã Nghĩa Trung	Nghĩa Hưng	42	16	723	10	15	điều chỉnh phạm vi hoạt động	xã Nghĩa Trung	VKK	Nghĩa Hưng	ngày 10 từ 8h30-11h00	HT UBND xã Nghĩa Trung	75	28	1.204	7	15	* Văn số 1568/TB-UBND ngày 21/09/2026 của UBND xã Nghĩa Trung		
16.10	xã Nghĩa Trung	Nghĩa Trung	75	28	1.204	5	15	Giới nguyên			Nghĩa Trung	ngày 10 từ 8h30-11h00	HT UBND xã Nghĩa Trung	75	28	1.204	7	15			

HIỆN TẠI									SAU SÁP XẾP ĐIỂM GIAO DỊCH											
STT	Tên Phòng giao dịch/ Xa (Phòng)	Tên điểm giao dịch	Đợt mở	Số TK/VV	Số khách hàng của đợt mở	Khuyến khích từ thời xa nhất đến điểm giao dịch	Thời gian di chuyển từ thời xa nhất đến điểm giao dịch	Tình trạng của điểm giao dịch sau sắp xếp	Tên xa	Xã vùng kho thuộc (VKK) Không thuộc vùng kho kho (VKK)	Tên điểm giao dịch	Ngày và giờ giao dịch của điểm giao dịch	Địa điểm giao dịch	Đợt mở	Số TK/VV	Số khách hàng của đợt mở	Khuyến khích từ thời xa nhất đến điểm giao dịch (km)	Thời gian di chuyển từ thời xa nhất đến điểm giao dịch	Vấn hạn chấp thuận của UBND cấp xã	Ghi chú nếu có lý do điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
16.11	xã Phước Sơn	Đông Hải	49	17	688	5	10	Gửi ngân	xã Phước Sơn	Không thuộc VKK	Đông Hải	ngày 16 từ 06:00-11:00	Nhà văn hóa thôn Phước An	49	17	688	7	10	* TB số 1340/UBND ngày 18/09/2026 của UBND xã Phước Sơn	
16.12	xã Phước Sơn	Phước An 2	27	15	614	7	12	Đông điểm			Phước Sơn	ngày 12 từ 08:30-11:00	HT UBND xã Phước Sơn	77	30	1.494	12	15		
16.13	xã Phước Sơn	Phước Sơn	49	21	880	7	12	Đầu chỉnh phạm vi hoạt động			Đông Hải	ngày 07 từ 08:30-11:00	Nhà VH thôn Bả Lạch	39	17	706	7	12		
16.14	xã Thọ Sơn	Đông Núi	39	17	706	10	15	Gửi ngân	xã Thọ Sơn	VKK	Đông Núi	ngày 07 từ 08:30-11:00	Nhà VH thôn Bả Lạch	39	17	706	7	12	* TB số 415/UBND ngày 18/09/2026 của UBND xã Thọ Sơn	
16.15	xã Thọ Sơn	Phước Sơn	37	13	492	7	10	Đông điểm			Thọ Sơn	Ngày 14 từ 08:00-11:00	HT UBND xã Thọ Sơn	101	30	1.524	10	15		
16.16	xã Thọ Sơn	Thọ Sơn	63	21	1.032	5	10	Đầu chỉnh phạm vi hoạt động			Thọ Sơn	Ngày 14 từ 08:00-11:00	HT UBND xã Thọ Sơn	101	30	1.524	10	15		
17	PGD Đông Phú	11	505	180	7.752	- Phương: 10 - Xa: 20 - Xa VKK: 0	- Phương: 15 - Xa: 25 - Xa VKK: 0	Đông điểm: 02 điểm Mở mới: 0 điểm Đầu chỉnh: 02 điểm Gửi ngân: 07 điểm	4	Số xã không thuộc VKK: 04 xã (phương)	9			505	180	7.752	- Phương: 10 - Xa: 15 - Xa VKK: 0	- Phương: 15 - Xa: 25 - Xa VKK: 0		- Giảm: 02 điểm (tương ứng: 18,2%) - Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 09 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0 điểm
17.1	phường Đông Phú	Đông Phú	37	10	453	5	10	Đầu chỉnh phạm vi hoạt động	phường Đông Phú	Không thuộc VKK	Đông Phú	Ngày 09 từ 08-11:00	Hội trường Co quan UBMTTQ và các Đoàn thể phường Đông Phú	78	24	1.131	7	10	* VB số 2020/UBND ngày 16/9/2026 của UBND phường Đông Phú	
17.2	phường Đông Phú	Thái Đông	41	14	678	7	10	Đông điểm			Tân Lập	Ngày 05 từ 08-11h	Nhà văn hóa khu phố Tân Lập	61	19	896	10	15		
17.3	phường Đông Phú	Tân Lập	61	19	896	10	15	Gửi ngân			Đông Phú	Ngày 21 từ 08-11h	Hội trường UBND xã Đông Phú	44	18	812	10	15		
17.4	xã Đông Tân	Đông Tân	44	18	812	10	15	Gửi ngân	xã Đông Tân	Không thuộc VKK	Đông Tân	Ngày 21 từ 08-11h	Hội trường UBND xã Đông Tân	44	18	812	10	15	* VB số 2312/UBND ngày 25/9/2026 của UBND xã Đông Tân	
17.5	xã Đông Tân	Đông Tân	59	23	935	15	18	Gửi ngân			Đông Tân	Ngày 13 từ 08:30-11:30	Hội trường ủy xã Công an xã Đông Tân	59	23	935	10	15		
17.6	xã Đông Tân	Tân Phước	41	15	638	20	25	Gửi ngân			Tân Phước	Ngày 7 từ 08-10:30	Hội trường Đảng ủy - Ủy ban MTQVN xã Đông Tân	41	15	638	15	20		
17.7	xã Tân Lợi	Số 10	38	14	495	15	25	Gửi ngân	xã Tân Lợi	Không thuộc VKK	Số 10	Ngày 11 từ 08-10:30	Hội trường ủy xã Công an xã Tân Lợi	38	14	495	15	25	* VB số 2393/UBND-KT ngày 17/9/2026 của UBND xã Tân Lợi	
17.8	xã Tân Lợi	Tân Lợi	20	7	308	10	25	Đông điểm			Tân Lợi	Ngày 17 từ 08-11:00	Hội trường UBND xã Tân Lợi	68	22	926	11	25		
17.9	xã Tân Lợi	Tân Lợi	47	15	618	20	25	Đầu chỉnh phạm vi hoạt động			Thước Lát	Ngày 15 từ 08:30-11:30	Hội trường Đảng ủy - Ủy ban MTQVN xã Thuận Lợi	61	23	994	10	15		
17.10	xã Thuận Lợi	Thuận Hải	61	23	994	10	15	Gửi ngân	xã Thuận Lợi	Không thuộc VKK	Thuận Hải	Ngày 15 từ 08:30-11:30	Hội trường UBND xã Thuận Lợi	56	22	925	10	15	* VB số 1873/UBND-VX ngày 22/9/2026 của UBND xã Thuận Lợi	
17.11	xã Thuận Lợi	Thuận Lợi	56	22	925	10	15	Gửi ngân			Thuận Lợi	Ngày 19 từ 08-11h	Hội trường UBND xã Thuận Lợi	56	22	925	10	15		
18	PGD Chơn Thành	8	444	111	5.255	- Phương: 6 - Xa: 12 - Xa VKK: 0	- Phương: 10 - Xa: 20 - Xa VKK: 0	Đông điểm: 02 điểm Mở mới: 0 điểm Đầu chỉnh: 02 điểm Gửi ngân: 04 điểm	3	Số xã không thuộc VKK: 03 xã (phương)	6			444	111	5.255	- Phương: 10 - Xa: 12 - Xa VKK: 0	- Phương: 20 - Xa: 20 - Xa VKK: 0		- Giảm: 02 điểm (tương ứng: 25%) - Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 06 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0 điểm
18.1	phường Chơn Thành	Chơn Thành	64	19	832	6	10	Đầu chỉnh phạm vi hoạt động	phường Chơn Thành	Không thuộc VKK	Chơn Thành	Ngày 17, từ 08:00-11:00	Trụ sở UBND phường Chơn Thành	78	23	1.039	10	20	* VB số 2103/UBND-VX ngày 21/9/2026 của UBND phường Chơn Thành	
18.2	phường Chơn Thành	Thạch Tân	14	5	207	5	10	Đông điểm			Minh Thành	Ngày 11, từ 08:00-11:00	Nhà văn hóa KP Minh Thành	46	12	522	5	10		
18.3	phường Chơn Thành	Minh Thành	46	12	522	5	10	Gửi ngân			Minh Hưng	Ngày 15, từ 08:00-11:00	Trụ sở UBND phường Minh Hưng	84	20	959	6	15		
18.4	phường Minh Hưng	Minh Hưng	84	20	959	6	10	Gửi ngân	phường Minh Hưng	Không thuộc VKK	Minh Hưng	Ngày 15, từ 08:00-11:00	Trụ sở UBND phường Minh Hưng	84	20	959	6	15	* VB số 1844/UBND-VX ngày 18/9/2026 của UBND phường Minh Hưng	
18.5	phường Minh Hưng	Minh Long	31	13	444	3	5	Gửi ngân			Minh Long	Ngày 07, từ 08:00-11:00	Trụ sở UBMTTQVN phường Minh Hưng	31	13	444	3	8		
18.6	xã Nha Bích	Minh Lập	76	17	869	10	20	Gửi ngân			Minh Lập	Ngày 13, từ 08:00-11:00	Nhà văn hóa ấp 5	76	17	869	10	20		
18.7	xã Nha Bích	Minh Thước	43	8	444	6	10	Đông điểm	xã Nha Bích	Không thuộc VKK	Nha Bích	Ngày 19, từ 08:00-11:00	Trụ sở UBND xã Nha Bích	129	26	1.422	12	20	* VB số 4439/UBND-VX ngày 21/9/2026 của UBND xã Nha Bích	
18.8	xã Nha Bích	Nha Bích	85	18	978	12	20	Đầu chỉnh phạm vi hoạt động			Nha Bích	Ngày 19, từ 08:00-11:00	Trụ sở UBND xã Nha Bích	129	26	1.422	12	20		
19	PGD Bù Đốp	8	627	196	8.814	- Phương: 0 - Xa: 12 - Xa VKK: 8	- Phương: 0 - Xa: 20 - Xa VKK: 15	Đông điểm: 0 điểm Mở mới: 0 điểm Đầu chỉnh: 0 điểm Gửi ngân: 08 điểm	3	Số xã thuộc VKK: 02 xã Số xã không thuộc VKK: 01 xã	8			627	163	8.814	- Phương: 0 - Xa: 12 - Xa VKK: 8	- Phương: 0 - Xa: 20 - Xa VKK: 15		- Giảm: 0 điểm (tương ứng: 0%) - Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 08 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0 điểm
19.1	xã Hưng Phước	Hưng Phước	87	22	1.040	8	15	Gửi ngân	xã Hưng Phước	VKK	Hưng Phước	- Ngày 18 - Thời gian 08:30-11:00	UBND xã Hưng Phước	87	20	1.040	8	15	* VB số 2428/UBND-VX ngày 24/9/2026 của UBND xã Hưng Phước	
19.2	xã Hưng Phước	Phước Thuận	73	20	825	6	10	Gửi ngân			Phước Thuận	- Ngày 10 - Thời gian 08:30-11:00	Đảng ủy xã Hưng Phước	73	19	825	6	10		
19.3	xã Tân Thuận	Lộc An	56	16	769	7	15	Gửi ngân			Lộc An	- Ngày 19 - Thời gian 08:30-10:30	Nhà văn hóa thôn Tân Lộc	56	13	769	7	15		
19.4	xã Tân Thuận	Tân Nhân	93	27	1.207	8	15	Gửi ngân	xã Tân Thuận	VKK	Tân Nhân	Ngày 14 - Thời gian 08:30-11:30	Đảng ủy xã Tân Thuận	93	21	1.207	8	15	* CV 1839/UBND-VX ngày 18/9/26 của UBND xã Tân Thuận	
19.5	xã Tân Thuận	Tân Thuận	91	31	1.501	8	15	Gửi ngân			Tân Thuận	- Ngày 6 - Thời gian 08:30-11:30	UBND xã Tân Thuận	91	26	1.501	8	15		
19.6	xã Thuận Hưng	Bù Đốp	71	29	1.300	12	20	Gửi ngân			Bù Đốp	- Ngày 16 - Thời gian 08:30-11:30	Nhà văn hóa thôn Đoàn Kết	71	23	1.300	12	20		
19.7	xã Thuận Hưng	Thước Hòa	95	29	1.235	5	10	Gửi ngân	xã Thuận Hưng	Không thuộc VKK	Thước Hòa	- Ngày 9 - Thời gian 08:30-11:30	Nhà văn hóa thôn Giao Lưu	95	24	1.235	5	10	* VB số 2159/UBND-TT ngày 23/9/2026 của UBND xã Thuận Hưng	
19.8	xã Thuận Hưng	Thước Hưng	62	22	937	4	8	Gửi ngân			Thước Hưng	- Ngày 12 - Thời gian 08:30-11:00	UBND xã Thuận Hưng	62	17	937	4	8		
20	PGD Bù Gia Mập	8	687	184	8.985	- Phương: 0 - Xa: 0 - Xa VKK: 20	- Phương: 0 - Xa: 0 - Xa VKK: 22	Đông điểm: 0 điểm Mở mới: 0 điểm Đầu chỉnh: 0 điểm Gửi ngân: 08 điểm	4	Số xã thuộc VKK: 04 xã	8			687	184	8.985	- Phương: 0 - Xa: 0 - Xa VKK: 20	- Phương: 0 - Xa: 0 - Xa VKK: 22		- Giảm: 0 điểm (tương ứng: 0%) - Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 08 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0 điểm
20.1	xã Bù Gia Mập	Bù Gia Mập	80	21	1.113	8	12	Gửi ngân	xã Bù Gia Mập	VKK	Bù Gia Mập	ngày 21 và giờ GD 08:00-11:00	Trụ sở UBND xã Bù Gia Mập	80	21	1.113	8	12	* VB số 825/UBND-VX ngày 16/9/2026 của UBND xã Bù Gia Mập	
20.2	xã Đa Khe	Bình Thước	72	23	1.007	12	15	Gửi ngân			Bình Thước	ngày 07 và giờ GD 08:00-11:00	Trụ sở UBND xã Đa Khe	72	23	1.007	12	15		
20.3	xã Đa Khe	Đa Khe	47	17	790	6	10	Gửi ngân			Đa Khe	ngày 17 và giờ GD 08:00-11:00	Trụ sở UBND xã Đa Khe	47	17	790	6	10		
20.4	xã Đa Khe	Phước Minh	97	22	1.145	11	13	Gửi ngân	xã Đa Khe	VKK	Phước Minh	ngày 15 và giờ GD 08:00-11:00	Trụ sở BCH Quận xã Đa Khe	97	22	1.145	11	13	* VB số 1560/UBND-VX ngày 16/9/2026 của UBND xã Đa Khe	
20.5	xã Đăk O	Đăk O	109	28	1.427	8	12	Gửi ngân			Đăk O	ngày 09 và giờ GD 08:00-11:00	Trụ sở UBND xã Đăk O	109	28	1.427	8	12		
20.6	xã Phú Nghĩa	Phú Nghĩa	107	27	1.363	10	11	Gửi ngân			Phú Nghĩa	ngày 19 và giờ GD 08:00-11:00	Trụ sở UBND xã Phú Nghĩa	107	27	1.363	10	11		
20.7	xã Phú Nghĩa	Độc Hành	78	20	901	7	8	Gửi ngân	xã Phú Nghĩa	VKK	Độc Hành	ngày 11 và giờ GD 08:00-11:00	Nhà văn hóa thôn Bình Đức xã Phú Nghĩa	78	20	901	7	8	* VB số 1166/UBND-KT ngày 16/9/2026 của UBND xã Phú Nghĩa	
20.8	xã Phú Nghĩa	Phú Văn	97	26	1.239	20	22	Gửi ngân			Phú Văn	ngày 13 và giờ GD 08:00-11:00	Nhà văn hóa thôn Phú Văn xã Phú Nghĩa	97	26	1.239	20	22		

HỌ TÊN								SAU SÁP XẾP ĐIỂM GIAO DỊCH												
STT	Tên Phòng giao dịch/ Xã (Phường)	Tên điểm giao dịch	Dư nợ	Số TK TK&VY	Số khách hàng cũ dư nợ	Khuyến cách từ thiện xã nhất điểm giao dịch	Thời gian đi chuyển từ thôn xã nhất điểm giao dịch	Tình trạng của điểm giao dịch sau sắp xếp	Tên xã	Số vùng khu (VKK) Không thuộc vùng khu (VKK)	Tên điểm giao dịch	Ngày và giờ giao dịch của điểm giao dịch	Địa điểm giao dịch	Dư nợ	Số TK TK&VY	Số khách hàng cũ dư nợ	Khuyến cách từ thiện xã nhất điểm giao dịch (km)	Thời gian đi chuyển từ thôn xã nhất điểm giao dịch	Vấn bản chấp thuận của UBND cấp xã	Ghi chú nếu có lý do điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
21	PGD Phú Rạng	9	677	172	8.072	- Phương: 0 - Xã: 20 - Xã VKK: 23	- Phương: 0 - Xã: 25 - Xã VKK: 30	- Đồng điểm: 0 điểm - Mã mới: 0 điểm - Điều chỉnh: 0 điểm - Giờ người: 9 điểm	4	Số xã thuộc VKK: 01 xã Số xã không thuộc VKK: 03 xã (phường)	9			677	172	8.072	- Phương: 0 - Xã: 20 - Xã VKK: 23	- Phương: 0 - Xã: 25 - Xã VKK: 30		- Giám: 0 điểm (trường ứng: 0%) - Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 09 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0 điểm
21.1	xã Bình Tân	Bình Tân	51	14	660	7	10	Gửi nguyên	xã Bình Tân	Không thuộc VKK	Bình Tân	Ngày 17 - Thời gian: 0h30-10h30	Trụ sở UBND xã Bình Tân	51	14	660	7	10	* VB số 1323/UBND-VP ngày 17/9/2026 của UBND xã Bình Tân	
21.2	xã Bình Tân	Phước Hòa	42	16	678	7	10	Gửi nguyên			Phước Hòa	Ngày 05 - Thời gian: 0h30-10h30	Nhà văn hóa tại thôn Bình Tân 3	42	16	678	7	10		
21.3	xã Bình Tân	Phước Măng	72	16	769	10	15	Gửi nguyên			Phước Măng	Ngày 15 - Thời gian: 0h30-10h30	Trụ sở Công an xã Bình Tân	72	16	769	10	15		
21.4	xã Long Hà	Long Hà	90	23	1.112	6	10	Gửi nguyên	xã Long Hà	Không thuộc VKK	Long Hà	Ngày 07 - Thời gian: 0h30-10h30	Hội trường Khu vực học tập người khờ của các trường học tại thôn Tân Long 3	90	23	1.112	6	10	* VB số 1749/UBND-VX ngày 17/9/2026 của UBND xã Long Hà	
21.5	xã Long Hà	Tân Long	102	24	1.121	20	25	Gửi nguyên			Tân Long	Ngày 13 - Thời gian: 0h30-10h30	Nhà văn hóa ở Thôn Tân Long 6	102	24	1.121	20	25		
21.6	xã Phú Rạng	Phước Hưng	110	24	1.174	10	15	Gửi nguyên	xã Phú Rạng	Không thuộc VKK	Phước Hưng	Ngày 21 - Thời gian: 0h30-10h30	Nhà văn hóa tại thôn Phước Hưng	110	24	1.174	10	15	* VB số 2230/UBND-VX ngày 16/9/2026 của UBND xã Phú Rạng	
21.7	xã Phú Rạng	Phước Rạng	59	19	888	13	25	Gửi nguyên			Phước Rạng	Ngày 11 - Thời gian: 0h30-10h30	Trụ sở UBND xã Phú Rạng	59	19	888	13	25		
21.8	xã Phú Trung	Phước Trung	76	18	779	10	15	Gửi nguyên	xã Phú Trung	VKK	Phước Trung	Ngày 09 - Thời gian: 0h30-10h30	Trụ sở UBND xã Phú Trung	76	18	779	10	15	* VB số 1011/UBND-VX ngày 17/9/2026 của UBND xã Phú Trung	
21.9	xã Phú Trung	Phước Tân 2	75	18	891	23	30	Gửi nguyên			Phước Tân 2	Ngày 19 - Thời gian: 0h30-10h30	Trụ sở Công an xã Phú Trung	75	18	891	23	30		
22	PGD Hòa Quan	13	528	192	8.684	- Phương: 06 - Xã: 10 - Xã VKK: 0	- Phương: 10 - Xã: 15 - Xã VKK: 0	- Đồng điểm: 04 điểm - Mã mới: 0 điểm - Điều chỉnh: 05 điểm - Giờ người: 04 điểm	4	Số xã không thuộc VKK: 04 xã (phường)	9			528	192	8.684	- Phương: 09 - Xã: 10 - Xã VKK: 0	- Phương: 15 - Xã: 15 - Xã VKK: 0		- Giám: 04 điểm (trường ứng: 0%) - Tổng số điểm giao dịch đảm bảo yêu cầu: 09 - Tổng số điểm giao dịch chưa đảm bảo yêu cầu: 0 điểm
22.1	xã Minh Đức	An Phú	37	10	492	5	10	Đồng điểm	xã Minh Đức	Không thuộc VKK	Minh Đức	- Ngày GD 13 - Giờ GD 08:00-11:30	Trụ sở UBND xã Minh Đức	37	10	492	5	10	* VB số 1776/UBND-VX ngày 15/9/2026 của UBND xã Minh Đức	
22.2	xã Minh Đức	Minh Đức	33	13	597	7	13	Điều chỉnh phân vị hoạt động			Minh Đức	- Ngày GD 09 - Giờ GD 08:00-11:30	Nhà văn hóa tại xã Minh Đức	33	14	645	7	13		
22.3	xã Minh Đức	Minh Tân	38	14	645	7	13	Gửi nguyên			Minh Tân	- Ngày GD 15 - Giờ GD 08:30-11:30	Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Minh Tân	38	14	645	7	13		
22.4	xã Tân Hưng	An Khương	63	20	1.014	9	15	Gửi nguyên	xã Tân Hưng	Không thuộc VKK	An Khương	- Ngày GD 15 - Giờ GD 08:30-11:30	Trụ sở UBND xã Tân Hưng	63	20	1.014	9	15	* VB số 1243/UBND-VX ngày 15/9/2026 của UBND xã Tân Hưng	
22.5	xã Tân Hưng	Tân Hưng	51	17	809	6	10	Gửi nguyên			Tân Hưng	- Ngày GD 18 - Giờ GD 08:30-11:30	Trụ sở UBND xã Tân Hưng	51	17	809	6	10		
22.6	xã Tân Hưng	Thanh An	49	21	934	5	10	Gửi nguyên			Thanh An	- Ngày GD 12 - Giờ GD 08:30-12:00	Trụ sở Công an xã Tân Hưng	49	21	934	5	10		
22.7	phường Tân Khai	Tổng Nại	35	13	563	3	5	Đồng điểm	phường Tân Khai	Không thuộc VKK	Tân Hiệp	- Ngày GD 06 - Giờ GD 08:00-11:30	Nhà văn hóa Khu phố Tân Hiệp	36	14	666	4	5	* VB số 573/UBND-VX ngày 15/9/2026 của UBND phường Tân Khai	
22.8	phường Tân Khai	Tân Hiệp	28	11	479	4	5	Điều chỉnh phân vị hoạt động			Tân Khai	- Ngày GD 10 - Giờ GD 08:00-11:30	Trụ sở UBND phường Tân Khai	66	23	905	9	15		
22.9	phường Tân Khai	Tân Khai	40	13	469	6	10	Điều chỉnh phân vị hoạt động			Tân Khai	- Ngày GD 10 - Giờ GD 08:00-11:30	Trụ sở UBND phường Tân Khai	66	23	905	9	15		
22.10	xã Tân Quan	Hòa Quan	72	26	1.073	6	10	Điều chỉnh phân vị hoạt động	xã Tân Quan	Không thuộc VKK	Hòa Quan	- Ngày GD 16 - Giờ GD 08:00-12:00	Trụ sở Công an xã Tân Quan	86	30	1.302	9	15	* MB số 1420/UBND-VX ngày 16/9/2026 của UBND xã Tân Quan	
22.11	xã Tân Quan	Quang Minh	14	6	229	5	10	Đồng điểm			Tân Quan	- Ngày GD 19 - Giờ GD 08:00-12:00	Trụ sở UBND xã Tân Quan	68	30	1.380	10			
22.12	xã Tân Quan	Lợi Hưng	41	18	851	7	13	Đồng điểm			Tân Quan	- Ngày GD 19 - Giờ GD 08:00-12:00	Trụ sở UBND xã Tân Quan	68	30	1.380	10			
22.13	xã Tân Quan	Tân Quan	28	12	529	10	15	Điều chỉnh phân vị hoạt động			Tân Quan	- Ngày GD 19 - Giờ GD 08:00-12:00	Trụ sở UBND xã Tân Quan	68	30	1.380	10			

LẬP BIỂU



Lê Thị Thuý Hằng

KIỂM SOÁT



Nguyễn Xuân Trường



Được lập ngày 30 tháng 9 năm 2026

Kiểm soát

Nguyễn Văn Cường

